



VIET NAM

**GEIPP**

GLOBAL ECO-INDUSTRIAL PARKS PROGRAMME

## BÁO CÁO PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

---

2021



UNITED NATIONS  
INDUSTRIAL DEVELOPMENT ORGANIZATION



Schweizerische Eidgenossenschaft  
Confédération suisse  
Confederazione Svizzera  
Confederaziun svizra

Swiss Confederation

Federal Department of Economic Affairs,  
Education and Research EAER  
**State Secretariat for Economic Affairs SECO**

© UNIDO 2021. All rights reserved. This document has been produced without formal United Nations editing. The designations employed and the presentation of the material in this document do not imply the expression of any opinion whatsoever on the part of the Secretariat of the United Nations Industrial Development Organization (UNIDO) concerning the legal status of any country, territory, city, or area or of its authorities, or concerning the delimitation of its frontiers or boundaries, or its economic system or degree of development. Designations such as “developed”, “industrialized” or “developing” are intended for statistical convenience and do not necessarily express a judgement about the stage reached by a particular country or area in the development process. Mention of firm names or commercial products does not constitute an endorsement by UNIDO.

The views expressed in this document are those of the authors and do not necessarily reflect the views of UNIDO and its governing bodies, nor of the Swiss Government.

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ  
NĂNG LỰC CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN**

---





# LỜI CẢM ƠN

---

BÁO CÁO PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN được soạn thảo trong khuôn khổ dự án “Chương trình khu công nghiệp sinh thái (KCNST) toàn cầu” do Cục kinh tế liên bang Thụy Sĩ tài trợ (SECO).

Báo cáo này là công trình của nhóm nghiên cứu:

- Nguyễn Đình Chúc, Viện Nghiên cứu phát triển bền vững Vùng, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (VASS)
- Alessandro Flammini, Chương trình Phát triển Công nghiệp Liên hợp Quốc (UNIDO)
- Nguyễn Thị Thục, Viện Nghiên cứu phát triển bền vững Vùng, VASS
- Trần Thị Phương Thảo, Viện Nghiên cứu phát triển bền vững Vùng, VASS
- Vương Thị Minh Hiếu, Phó Vụ trưởng vụ Quản lý Khu kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phó giám đốc dự án KCNST Việt Nam
- Nguyễn Trâm Anh, Chuyên gia kỹ thuật dự án quốc gia, dự án KCNST Việt Nam, UNIDO Hà Nội
- Bùi Hồng Phương, Chuyên gia dự án quốc gia, dự án KCNST Việt Nam, UNIDO Hà Nội

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của:

- Lê Thành Quân, Vụ trưởng vụ Quản lý Khu kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc dự án KCNST Việt Nam
- Müge Dolun, Quản lý dự án, Trụ sở UNIDO



## TÓM TẮT

---

Báo cáo nhằm xác định các bên liên quan và mô tả vai trò của họ trong việc xây dựng và thực hiện thí điểm các khu công nghiệp sinh thái tại Việt Nam. Báo cáo xác định các đặc điểm cũng như thực hiện phân tích, đánh giá, phân nhóm các bên liên quan. Theo đó 34 bên liên quan được xác định trong báo cáo được chia thành 3 nhóm:

- (i) Trung ương – vĩ mô;
- (ii) Địa phương – doanh nghiệp trực tiếp; và
- (iii) Trung gian - hỗ trợ.

Ngoài 3 cấp độ, các bên liên quan được phân loại thành 7 nhóm, bao gồm:

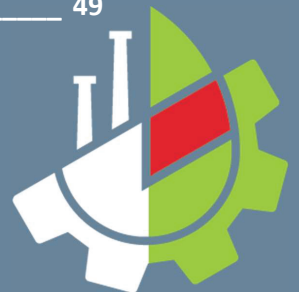
1. Cơ quan quản lý nhà nước
2. Tổ chức quốc tế
3. Tổ chức tài chính
4. Tổ chức nghiên cứu, đào tạo
5. Tổ chức tư vấn
6. Doanh nghiệp
7. Tổ chức xã hội

Đồng thời, báo cáo cũng xây dựng và đề xuất chương trình đào tạo về KCNST cho toàn bộ các bên liên quan nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết, và tăng cường kiến thức chuyên môn về KCNST tại Việt Nam. Chương trình đào tạo gồm 4 mô-đun, và mỗi mô-đun đào tạo hướng đến một nhóm các bên liên quan cụ thể.

Báo cáo được xây dựng trên cơ sở tham khảo các tài liệu đã xuất bản và thực tiễn hoạt động của UNIDO tại Việt Nam và ở các quốc gia khác trên thế giới. Thêm vào đó, báo cáo cũng được chất lọc từ kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn của nhóm tác giả có được thông qua việc tham gia trực tiếp vào một số hoạt động và sáng kiến KCNST tại Việt Nam trước đây.

# MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	IV
TÓM TẮT	V
MỞ ĐẦU	VII
<b>CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VAI TRÒ TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KCNST TẠI VIỆT NAM</b>	<b>10</b>
1.1. Phương pháp luận	10
1.2. Vai trò của các bên liên quan	11
1.2.1. Khu vực công	11
1.2.2. Các tổ chức quốc tế	17
1.2.3. Các tổ chức hỗ trợ tài chính	19
1.2.4. Tổ chức nghiên cứu	22
1.2.5. Các tổ chức tư vấn	23
1.2.6. Các tổ chức doanh nghiệp	25
1.2.7. Civil society organizations	27
1.3. Tóm tắt vai trò của các bên liên quan	28
<b>PHÂN LOẠI VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN</b>	<b>33</b>
2.1. NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI	33
2.2. KẾT QUẢ PHÂN LOẠI	33
2.3. THẢO LUẬN	35
<b>ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN</b>	<b>37</b>
3.1. Phương pháp đánh giá	37
3.2. Khoảng trống năng lực của các nhóm tham gia	39
3.2.1. Cơ quan quản lý nhà nước	39
3.2.2. Các tổ chức quốc tế	40
3.2.3. Nhóm các tổ chức tài chính	41
3.2.4. Tổ chức nghiên cứu (Trường ĐH, viện nghiên cứu)	42
3.2.5. Consulting organizations	43
3.2.6. Tổ chức doanh nghiệp	44
3.2.7. Tổ chức xã hội	45
<b>CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỀ KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN</b>	<b>47</b>
4.1. Đào tạo cho các bên liên quan về KCNST	47
4.2. Các mô-đun đào tạo về KCNST	47
4.3. Đề xuất các Chương trình đào tạo về KCNST	48
4.3.1. Đào tạo cho Cơ quan quản lý nhà nước	48
4.3.2. Đào tạo cho Tổ chức tài chính	48
4.3.3. Đào tạo cho Tổ chức Nghiên cứu, đào tạo	49
4.3.4. Đào tạo cho doanh nghiệp	49
4.3.5. Đào tạo cho các tổ chức xã hội	49
4.4. Các khóa đào tạo quốc tế về KCNST	49





# MỞ ĐẦU

---

## PHÁT TRIỂN KCNST Ở VIỆT NAM

Tại Việt Nam, Khu công nghiệp sinh thái (KCNST) bắt đầu được quan tâm vào đầu những năm 2000. Tuy nhiên, chỉ đến khi Dự án “Triển khai các sáng kiến KCNST hướng tới mô hình KCN bền vững ở Việt Nam” được thực hiện ( giai đoạn 2014-2019), thì mô hình KCNST ở Việt Nam mới được hình thành và có những kết quả cụ thể. Dự án do Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO) phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện.

“Giai đoạn 1” của Dự án (2014 – 2019) với tổng đầu tư hơn 5 triệu USD, được tài trợ từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của Quỹ Môi Trường Toàn cầu (GEF) và Chính phủ Thụy Sĩ, thông qua Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO).

Giai đoạn 1 của Dự án đã góp phần quan trọng vào việc thiết lập khuôn khổ chính sách cho KCNST tại Việt Nam. Lần đầu tiên khái niệm KCNST đã được thể chế hoá vào tháng 5 năm 2018 trong Nghị định 82/2018/NĐ-CP về quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế. Cho đến nay, Nghị định 82/2018/NĐ-CP là văn bản pháp lý đầu tiên quy định chính thức về KCNST gồm khái niệm, đặc điểm, yêu cầu chuyển đổi đối với một KCN truyền thống để trở thành một KCNST, cũng như vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình thực hiện.

Giai đoạn 2 của Dự án được thực hiện trong giai đoạn 2020 – 2023 với nguồn vốn viện trợ không hoàn lại từ Chính phủ Thụy Sĩ thông qua SECO. Dự án được thực hiện cùng với sự phối hợp của Chương trình Khu công nghiệp sinh thái toàn cầu – UNIDO, hiện đang được triển khai tại 7 quốc gia trên thế giới.

## CHƯƠNG TRÌNH KCNST TOÀN CẦU

Chương trình Khu công nghiệp sinh thái toàn cầu (CTKCNSTTC) do SECO tài trợ và được UNIDO triển khai tại các nước chuyển đổi và các nước đang phát triển từ năm 2019 đến năm 2022. Cụ thể, chương trình hiện đang triển khai tại 7 quốc gia: Colombia, Ai Cập, Indonesia, Peru, Nam Phi, Ukraine và Việt Nam.

Dự án cũng sẽ tăng cường hợp tác với các dự án KCNST khác của UNIDO và các sáng kiến KCNST từ các nhà tài trợ khác. Mục tiêu Dự án CTKCNSTTC tại Việt Nam phù hợp với mục tiêu của CTKCNSTTC và các chương trình khác do UNIDO thực hiện, thể hiện tính khả thi và lợi ích của các phương pháp tiếp cận KCNST trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, hiệu quả kinh tế, môi trường và xã hội của các doanh nghiệp, từ đó góp phần vào sự phát triển công nghiệp bền vững và toàn diện ở Việt Nam.

Các hoạt động xúc tiến triển khai và các kết quả của dự án cho đến nay đã cho thấy vai trò của các bên liên quan cũng như những điểm yếu/khoảng trống trong năng lực của họ trong quá trình thực hiện. Dựa trên kết quả phân tích, báo cáo này xác định các bên liên quan cụ thể, đánh giá hoạt động và xác định những khoảng trống trong việc thực hiện trách nhiệm của các bên trong quá trình phát triển KCNST tại Việt Nam. Dự kiến việc đánh giá sẽ được thực hiện hàng năm, nhằm theo dõi sự cải thiện qua thời gian..



**Hình 1: Các bên liên quan đối với sự phát triển của KCNST tại Việt Nam**



**Báo cáo gồm 4 phần:**

- Phần 1: CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VAI TRÒ TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KCNST TẠI VIỆT NAM:**  
Xác định và giới thiệu về vai trò của các bên liên quan trong quá trình phát triển KCNST tại Việt Nam thời gian qua;
- Phần 2: PHÂN LOẠI VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN:**  
Phân loại vai trò của các bên liên quan dựa trên tầm ảnh hưởng và mức độ quan tâm/tham gia của họ trong quá trình phát triển KCNST;
- Phần 3: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN:**  
Xác định các khoảng trống trong việc thực thi vai trò của các bên. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm lấp đầy các khoảng trống, giúp các bên liên quan hoàn thiện vai trò của mình; từ đó thúc đẩy hiệu quả chung của quá trình phát triển KCNST tại Việt Nam
- Phần 4: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỀ KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN:**  
Xác định chương trình đào tạo dự kiến cho các bên liên quan về phát triển KCNST



The image features an abstract composition of overlapping geometric shapes. A large, light blue curved shape dominates the left and bottom portions. Overlapping this are several green shapes, including a large curved segment on the right and a smaller trapezoidal shape on the left. A large, white, sans-serif number '1.' is positioned in the upper right quadrant, set against the green background. The overall aesthetic is clean and modern, with a limited color palette of green, light blue, and white.

1.



# CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VAI TRÒ TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KCNST TẠI VIỆT NAM

## 1.1. PHƯƠNG PHÁP LUẬN

**Báo cáo sử dụng 3 phương pháp luận chính để tìm hiểu về vai trò của các bên liên quan tới KCNST ở Việt Nam, đó là:**

- » Phương pháp nghiên cứu tại chỗ: rà soát các văn bản quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị/tổ chức liên quan để phân nhóm và xác định vai trò cụ thể của họ đối với việc phát triển KCNST ở Việt Nam;
- » Trao đổi với các chuyên gia, các nhà hoạch định chính sách, các cá nhân đang hoạt động trong lĩnh vực phát triển KCNST nhằm tìm hiểu vai trò, thực tiễn thực hiện các chức năng nhiệm vụ của các bên liên quan;
- » Đánh giá, phân tích và tổng hợp: để phân tích khoảng trống trong vai trò của các bên liên quan. Theo đó, việc đánh giá bằng điểm số (mô tả chi tiết tại phần 3.1 của báo cáo này) được sử dụng để thấy được các nhiệm vụ/vai trò mà các bên hoàn thành tốt và những khoảng trống cần được lấp đầy trong thời gian tới.

Bằng cách đó, các bên liên quan trong quá trình phát triển KCNST tại Việt Nam được xác định gồm các cơ quan/tổ chức/cá nhân có vai trò trực tiếp hoặc gián tiếp trong các hoạt động phát triển KCNST tại Việt Nam.

**Để phục vụ cho việc phân tích này, Các bên liên quan có thể được phân thành 7 nhóm như sau:**

1. Khu vực công
2. Tổ chức quốc tế
3. Tổ chức tài chính
4. Tổ chức nghiên cứu
5. Tổ chức tư vấn
6. Doanh nghiệp
7. Tổ chức xã hội

Mỗi nhóm liên quan sẽ bao gồm nhiều tổ chức/đơn vị khác nhau và cùng đảm nhiệm các nhiệm vụ nhất định dựa trên chức năng nhiệm vụ chính của từng tổ chức pháp nhân; các quy định liên quan về KCN, KKT và thực tiễn hoạt động tại Dự án CTKCNSTTC tại Việt Nam.

**Có thể chia thành 08 loại nhóm nhiệm vụ cơ bản như sau:**

1. Xây dựng và ban hành chính sách: là cơ quan/tổ chức chủ trì hoặc tham gia vào quá trình xây dựng, ban hành các chính sách liên quan đến KCNST;
2. Thực thi chính sách: là các cơ quan thực hiện các vai trò/trách nhiệm theo quy định/cam kết nêu trong các quy định, chính sách, hướng dẫn về KCNST.;
3. Ảnh hưởng/tác động tới chính sách: là cơ quan/tổ chức/cá nhân tham gia tư vấn, đóng góp ý kiến, khuyến nghị, phản biện để xây dựng và hoàn thiện chính sách;
4. Quản lý/Giám sát: Là cơ quan có chức năng giám sát quá trình thực hiện của các bên liên quan khác trong quá trình thực hiện KCNST;



5. Cung cấp tài chính: cung cấp tài chính cho quá trình thực hiện KCNST từ các nguồn khác nhau: ngân sách nhà nước, hỗ trợ ODA, tài trợ,...;
6. Khuyến khích/thúc đẩy: biểu dương và khen thưởng các giải pháp KCNST để khuyến khích và thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan. Hình thức khuyến khích có thể là thông qua cơ chế ưu đãi tài chính (miễn thuế, trợ giá, giảm giá,...) hoặc phi tài chính (bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận,...);
7. Xây dựng năng lực: thông qua các hoạt động (i) truyền tải/phổ biến thông tin; (ii) đào tạo, tập huấn, (iii) chuyển giao tri thức, công nghệ cho các bên liên quan khác;
8. Kết nối các bên liên quan: là tổ chức có thể kêu gọi và tập hợp các bên liên quan khác cùng thực hiện một hoạt động chung;

Việc lựa chọn một nhóm các cơ quan/tổ chức điển hình để phân tích, đánh giá trong báo cáo dựa trên nguồn tư liệu tiếp cận được và sự cân nhắc của chuyên gia dựa trên các đóng góp thực tiễn của các cơ quan này cho các sáng kiến KCNST thời gian qua tại Việt Nam.

## 1.2.VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

### 1.2.1.Khu vực công

Là nhóm các cơ quan quản lý nhà nước tham gia vào quá trình xây dựng chính sách, quản lý, giám sát và vận hành trong quá trình phát triển KCNST từ trung ương đến địa phương.

Ngoài việc xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích, quy định về yêu cầu/tiêu chuẩn KCNST, thì việc quản lý nhà nước đối với KCNST cũng được thực hiện tương tự như việc quản lý KCN, KKT thông thường theo Nghị định số 82/2018/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế cụ thể như sau:

#### (1) Ở Trung Ương

Thủ tướng Chính phủ có quyền hạn và trách nhiệm để thực hiện luật pháp, chính sách về KCN và KKT (trong đó bao gồm cả KCNST). Thủ tướng chính phủ cũng có trách nhiệm: a) phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch phát triển KCN và KKT, quyết định chủ trương đầu tư trong phạm vi thẩm quyền; b) quyết định thành lập, mở rộng KKT và c) điều chỉnh giảm diện tích, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong KCN và các khu chức năng trong KKT. Ngoài ra, Thủ tướng còn có trách nhiệm chỉ đạo xử lý và giải quyết những vấn đề vướng mắc trong quá trình quy hoạch, đầu tư, thành lập, điều hành, quản lý hoạt động của KCN/KCNST vượt thẩm quyền của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý KCN, KKT.

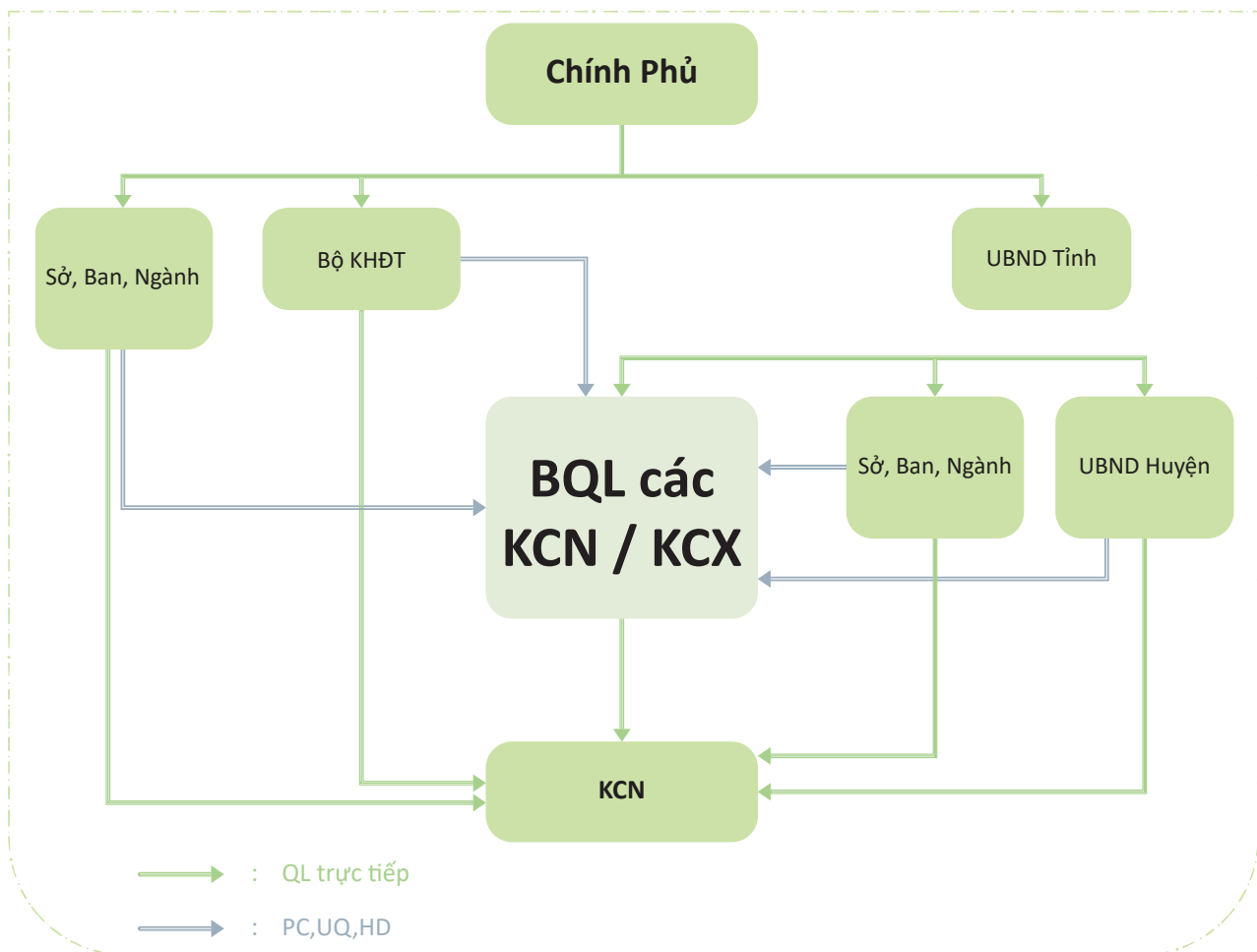
Theo Nghị định 82/2018/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định 82), 5 cơ quan thuộc chính phủ (Bộ TN&MT, Bộ KH&ĐT, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ KH&CN) và các cơ quan cấp tỉnh (Cơ quan quản lý KCN tại mỗi tỉnh) là các đơn vị trực tiếp chịu trách nhiệm về quản lý, quy hoạch, cấp chứng nhận KCNST, Doanh nghiệp sinh thái (DNST).

#### **Bộ Kế hoạch và đầu tư (Bộ KH&ĐT)**

Theo Nghị định 82, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gồm chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh liên quan xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển KCN, KKT, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ngoài ra, Bộ KH&ĐT cũng có trách nhiệm tổng kết đánh giá kết quả, hiệu quả kinh tế - xã hội của KCN và KKT để báo cáo Thủ tướng Chính phủ và một số các chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các Bộ, ngành khác.



**Hình 2: Mô hình quản lý đối với KCN (bao gồm cả KCNST)**



Ban Quản lý các KKT thuộc Bộ KH&ĐT được giao nhiệm vụ thực hiện cụ thể các chức năng trên của Bộ KH&ĐT. Ban Quản lý các KKT chịu trách nhiệm cho các nhiệm vụ sau:

- » Tham gia phát triển các KCN và phối hợp tổ chức thẩm định các quy hoạch ngành, quy hoạch tổng thể quốc gia các KCN/KCNST trong cả nước;
- » Làm đầu mối nghiên cứu, đề xuất mô hình KCN, KKT, cơ chế, chính sách phát triển và hợp tác quốc tế liên quan đến KCN;
- » Tham gia xây dựng danh mục dự án kêu gọi thu hút đầu tư trong và ngoài nước;
- » Đánh giá tác động và hiệu quả kinh tế - xã hội của các KCN, KKT;
- » Tham gia thẩm định, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch liên quan đến KCN, KKT.

Đối với riêng KCNST, BQL các KKT/Bộ KH&ĐT chịu trách nhiệm về việc:

- » Hỗ trợ Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với KCN/KKT nói chung và KCNST nói riêng. Bộ KH&ĐT có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn xây dựng KCNST.



- » Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan khác hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan cho Ban quản lý KCN/KCNST cấp tỉnh về KCNST như các tiêu chí, quy trình xét duyệt hồ sơ chuyển đổi sang mô hình KCNST.
- » Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành có liên quan dự kiến phương án hỗ trợ từ ngân sách trung ương đối với các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KCN tại các địa phương như hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển kết cấu hạ tầng KCN sinh thái và doanh nghiệp sinh thái được ưu tiên vay vốn ưu đãi từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các quỹ, tổ chức tài chính, nhà tài trợ trong nước và quốc tế để xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN, thực hiện các biện pháp sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và các giải pháp cộng sinh công nghiệp.
- » Cuối cùng, rà soát và đánh giá kết quả thực hiện, cũng như lợi ích kinh tế - xã hội của KCNST; phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn Ban quản lý KCN thực hiện chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; và chủ trì xây dựng và ban hành hướng dẫn báo cáo, thống kê về KCN, KKT

### **Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT)**

#### **Bộ TN&MT chịu trách nhiệm về:**

- » Ban hành hướng dẫn về quản lý và bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp, khu kinh tế ;
- » Hướng dẫn việc ủy quyền cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường (theo quy định tại Điều 63 Nghị định 82) và một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trong khu công nghiệp, khu kinh tế nói chung và KCNST nói riêng (theo Luật bảo vệ môi trường).
- » Hướng dẫn việc tái sử dụng chất thải, phế liệu và năng lượng dư thừa trong khu công nghiệp sinh thái.
- » Cho ý kiến về việc đáp ứng các yêu cầu của KCNST theo điều 42 Nghị định 82;
- » Thực hiện quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định của pháp luật;

### **Bộ Công thương**

#### **Bộ Công thương chịu trách nhiệm về việc:**

- » Thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp, hoạt động xuất nhập khẩu và thương mại trong KCN; chỉ đạo và định hướng phát triển các ngành công nghiệp trong các khu này phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp vùng và lãnh thổ;
- » Thực hiện ủy quyền cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa sản xuất trong KCN, KKT khi đáp ứng đủ điều kiện ủy quyền;
- » Hướng dẫn việc cấp giấy phép và các tài liệu pháp lý liên quan có giá trị tương đương đối với việc kinh doanh các mặt hàng thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương;
- » Hướng dẫn thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài đặt trụ sở trong KCN, KKT;
- » Cho ý kiến về việc đáp ứng các yêu cầu của KCNST theo điều 42 Nghị định 82;
- » Quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định của pháp luật;



## Bộ Xây dựng

### Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm:

- » Ban hành quy định hướng dẫn Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện công tác quản lý nhà nước về xây dựng đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình xây dựng trong khu công nghiệp, khu kinh tế (trong đó có KCNST); xây dựng và phát triển nhà ở, công trình văn hóa, thể thao cho người lao động khu công nghiệp, khu kinh tế; công tác quản lý và phát triển đô thị trong khu kinh tế;
- » Ban hành quy định hướng dẫn việc xây dựng nhà xưởng cao tầng trong KCN, KKT;
- » Ban hành quy định, hướng dẫn việc phân cấp, ủy quyền cho Ban quản lý thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về xây dựng trong khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định. Một số nhiệm vụ cụ thể gồm: Hướng dẫn về quy chuẩn xây dựng của khu công nghiệp sinh thái; Tiếp nhận hồ sơ đăng ký KCNST của BQL KCN và cho ý kiến thẩm định về việc đáp ứng các yêu cầu của một KCNST theo điều 42 Nghị định 82; Phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch, cấp giấy phép xây dựng cho KCN, KCNST.

## Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN)

### Bộ KH&CN chịu trách nhiệm:

- » Hỗ trợ tổ chức, cá nhân đổi mới công nghệ, tìm kiếm công nghệ, nhập khẩu công nghệ, khai thác sáng chế, giải mã và làm chủ công nghệ; đánh giá năng lực công nghệ và xây dựng định hướng phát triển công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ quốc gia theo quy định của pháp luật
- » Quy định và hướng dẫn hoạt động chuyển giao, đánh giá, giám định công nghệ; cấp phép chuyển giao công nghệ và chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ theo phân cấp; thẩm định hoặc có ý kiến về nội dung khoa học và công nghệ
- » Tiếp nhận hồ sơ đăng ký KCNST của BQL KCN và cho ý kiến thẩm định về việc đáp ứng các yêu cầu của một KCNST theo Điều 42 Nghị định 82;

## (2) Tại địa phương:

### UBND tỉnh

UBND tỉnh chịu trách nhiệm quản lý và điều hành chung các hoạt động trên địa bàn tỉnh mình, trong đó bao gồm hoạt động của các KCN nói chung và KCNST nói riêng. Cụ thể:

- a) Chủ trì xây dựng quy hoạch phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn; quyết định thành lập, mở rộng khu công nghiệp. 2. Tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng đối với khu công nghiệp và khu kinh tế.
- b) Chỉ đạo lập và phê duyệt quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế; quyết định sử dụng vốn ngân sách nhà nước để hỗ trợ nhà đầu tư đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu kinh tế.
- c) Chỉ đạo thực hiện thủ tục đầu tư đối với dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế trong thời gian chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định pháp luật về đầu tư.
- d) Ban hành các chính sách ưu đãi và khuyến khích cụ thể phù hợp với các quy định của pháp luật đối với việc ưu tiên tuyển dụng và sử dụng lao động tại chỗ, lao động có chuyên môn cao, tay nghề giỏi; hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động làm việc trong khu công nghiệp, khu kinh tế.



- e) Quy hoạch đất xây dựng khu tái định cư, khu nhà ở, công trình xã hội, văn hóa, thể thao cho công nhân trong khu công nghiệp, khu kinh tế; hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, khu tái định cư, công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội theo quy định pháp luật; hỗ trợ xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh quá trình đầu tư và phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế.
- f) Chỉ đạo thực hiện việc thu hồi diện tích đất, mặt nước, bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định canh, tái định cư và thực hiện các thủ tục cho thuê hoặc giao đất trong khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.
- g) Chỉ đạo các tổ chức có liên quan lập kế hoạch đầu tư và tổ chức xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu kinh tế như: Đường giao thông, hệ thống cung cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, các điểm đầu nối kỹ thuật với các công trình kết cấu hạ tầng trong hàng rào khu công nghiệp, khu kinh tế, cơ sở đào tạo nghề, nhà ở, công trình xã hội, văn hóa, thể thao, cơ sở khám chữa bệnh, trường học và các công trình công cộng khác đáp ứng nhu cầu phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế
- h) Chủ trì xây dựng kế hoạch và cân đối vốn hỗ trợ đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào khu công nghiệp, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội của khu kinh tế
- i) Chỉ đạo thực hiện cơ chế hành chính “một cửa tại chỗ” tại Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế; ban hành và giám sát thực hiện Quy chế phối hợp giữa Ban quản lý với các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- j) Chỉ đạo việc thực hiện quy hoạch, quy định về xây dựng, lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự trong khu công nghiệp, khu kinh tế.
- k) Tổ chức và phối hợp tổ chức các cơ sở đào tạo nghề tại địa phương để đáp ứng nhu cầu lao động cho khu công nghiệp, khu kinh tế.
- l) Tổ chức, kiểm tra, thanh tra và giám sát việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành và phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế; đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền thì phối hợp với các bộ, ngành giải quyết hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.
- m) Xây dựng Đề án thành lập, tổ chức lại các Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế để đảm bảo nguyên tắc mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có một Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế; quyết định việc bổ nhiệm nhân sự giữ chức danh Trưởng ban và Phó trưởng ban Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.
- n) Cấp kinh phí hoạt động hành chính, sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước; phê duyệt kế hoạch, cấp kinh phí và tổ chức vận động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch để phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế.
- o) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, chuyên ngành ở địa phương về thương mại, tài chính, hải quan, ngân hàng, công an và các cơ quan liên quan khác bố trí đại diện đủ thẩm quyền để giải quyết công việc liên quan tại từng khu công nghiệp, khu kinh tế khi cần thiết.
- p) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước khác về khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định của pháp luật.



### Ban Quản lý các KCN

Ban quản lý các KCN là đơn vị thực hiện chức năng quản lý trực tiếp đối với các KCN (trong đó bao gồm cả KCNST) trên địa bàn cấp tỉnh. Bên cạnh đó, Ban quản lý cũng có chức năng tổ chức cung cấp các dịch vụ liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh tại các KCN. Với những nhiệm vụ đó, BQL giữ vai trò là một trong những nhân tố tích cực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Theo ND 82/2018, chức năng Ban quản lý bao gồm:

- a) Quản lý, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định, quy hoạch, kế hoạch có liên quan tới khu công nghiệp, khu kinh tế đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
- b) Đăng ký đầu tư; cấp, điều chỉnh, thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thỏa thuận ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư;
- c) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện và chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức, thương nhân nước ngoài đặt trụ sở tại khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định pháp luật về thương mại;
- d) Chủ trì thực hiện kiểm tra, phối hợp với cơ quan chức năng khi các cơ quan chức năng tổ chức các cuộc thanh tra việc thực hiện quy định, quy hoạch, kế hoạch có liên quan tới khu công nghiệp, khu kinh tế; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý đối với khu công nghiệp, khu kinh tế;
- đ) Tiếp nhận đăng ký khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất và phí hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế của nhà đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế;
- e) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu đầu tư quy định tại văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tiến độ góp vốn và triển khai dự án đầu tư; việc thực hiện các điều khoản cam kết đối với các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư và việc chấp hành pháp luật về xây dựng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội đối với người lao động, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh - trật tự, bảo vệ môi trường đối với các dự án tại khu công nghiệp, khu kinh tế;
- g) Phối hợp với các đơn vị Công an và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền khác trong việc kiểm tra công tác giữ gìn an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, xây dựng và đề xuất những biện pháp thực hiện công tác bảo đảm an ninh, trật tự, tổ chức lực lượng bảo vệ, lực lượng phòng cháy, chữa cháy trong khu công nghiệp, khu kinh tế;
- h) Giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư tại khu công nghiệp, khu kinh tế và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền;
- i) Nhận báo cáo thống kê, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế; đánh giá hiệu quả đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế;
- k) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc xây dựng và quản lý hệ thống thông tin về khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc thẩm quyền quản lý;
- l) Báo cáo định kỳ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình: Xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế; thực hiện việc cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; triển khai và hoạt động của dự án đầu tư; thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước; thực hiện các quy định của pháp luật lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp, khu kinh tế;





- m) Hỗ trợ, cung cấp thông tin để các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế liên kết, hợp tác với nhau thực hiện cộng sinh công nghiệp, các biện pháp sản xuất sạch hơn, hình thành các khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp hỗ trợ, khu, cụm liên kết ngành; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng khu công nghiệp trong trường hợp phải điều chỉnh quy hoạch xây dựng khu công nghiệp khi chuyển đổi thành khu công nghiệp sinh thái;
- n) Tổ chức phong trào thi đua và khen thưởng cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế;
- o) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong khu theo thẩm quyền;
- p) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về quản lý tài chính, tài sản, ngân sách được giao; thu và quản lý sử dụng các loại phí, lệ phí; nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài về các lĩnh vực có liên quan đến đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức của Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế;
- q) Thực hiện nhiệm vụ đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, quản lý, hỗ trợ chuyển đổi, phát triển mô hình khu công nghiệp, khu kinh tế mới.

#### **Đối với KCNST:**

Ban quản lý KCN/KCNST hỗ trợ, cung cấp thông tin để các doanh nghiệp trong KCN/KCNST liên kết, hợp tác với nhau, tạo điều kiện thực hiện các biện pháp cộng sinh công nghiệp và sản xuất sạch hơn nhằm thúc đẩy sự phát triển của các KCNST; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng KCN trong trường hợp phải điều chỉnh quy hoạch xây dựng KCN hiện có để đáp ứng các yêu cầu của KCNST trong quá trình chuyển đổi (nếu cần thiết).

#### **Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh**

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có chức năng tương tự như chính quyền trung ương trong việc lập kế hoạch phát triển, cấp phép, quản lý môi trường, quản lý lao động và an ninh; đồng thời cho ý kiến về chứng nhận DNST ở mỗi tỉnh. Tùy theo mức độ phân cấp mà trách nhiệm của từng Sở có khác nhau. Các Sở, ban, ngành liên quan bao gồm:

#### **Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở KH&ĐT)**

Sở KH&ĐT là cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc thẩm định trình UBND tỉnh quy hoạch tổng thể, kế hoạch phát triển các KCN (bao gồm cả KCNST) trên địa bàn để UBND trình Chính phủ (VD: Thủ tướng Chính phủ) phê duyệt. Bên cạnh đó, Sở KH&ĐT hướng dẫn triển khai quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt trước đó.

Đối với việc quản lý các hoạt động thường xuyên, định kỳ, sở KH&ĐT phối hợp với các sở khác và ban quản lý KCN có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp báo cáo tình hình đầu tư phát triển hoạt động của các KCN và đề xuất về mô quản lý đối với các KCN trên địa bàn.

#### **Sở Tài nguyên & Môi trường (Sở TN&MT)**

**Sở TN&MT có nhiệm vụ:**

Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng vào các KCN/KCNST trình UBND tỉnh hoặc BQL các KCN (nếu được UBND tỉnh ủy quyền) phê duyệt KCN); tổ chức kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của các dự án.



Xác nhận nội dung và giám sát việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án trong KCN (trường hợp chưa ủy quyền cho Ban Quản lý các KCN);

Phối hợp với các cơ quan cấp Giấy đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện thu hồi, xử lý các sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc phế thải đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KCN theo quy định của pháp luật.

Thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KCN và thông báo số phí phải nộp cho các bên liên quan.

Tổ chức thu thập và phê duyệt dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường trong KCN; tham mưu UBND tỉnh yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng, người thuê kinh doanh, dịch vụ trong KCN gây ra.

### **Sở Công thương**

Sở Công thương chịu trách nhiệm về việc:

Tham mưu giúp UBND thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với KCN/KCNST trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút đầu tư, xuất nhập khẩu, thuế, tài chính, lao động, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng, di chuyển cơ sở sản xuất, xây dựng mới KCN/KCNST trên địa bàn.

Phối hợp triển khai các chương trình tiết kiệm năng lượng và thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo trong các KCN/KCNST.

*(Tại các tỉnh, thành phố có Trung tâm khuyến công trực thuộc Sở Công thương)* khuyến khích thúc đẩy các ngành công nghiệp đặc thù, công nghệ bền vững. Các Trung tâm này cùng với Sở Công thương có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các mô hình KCN/KKT xanh, sạch trong tương lai như KCNST.

### **UBND cấp huyện và cấp xã nơi có KCN/KCNST**

UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi xây dựng KCN phối hợp với các cơ quan liên ngành như Ban Quản lý, các sở ngành trong tỉnh, và Công an tỉnh trong các hoạt động như sau:

Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp khi có các dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ tài nguyên, môi trường, quản lý người lao động;

Phối hợp đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình xây dựng và vận hành KCN;

Quản lý an toàn về môi trường, an toàn lao động đối với các hoạt động liên quan đến KCN;

Phối hợp với BQL KCN tuyên truyền, phổ biến thông tin về chính sách phát triển KCNST, các lợi ích về môi trường xã hội mà cộng đồng được thụ hưởng từ mô hình KCNST;

Huy động các nguồn lực tại địa phương tham gia xây dựng và hoạt động sản xuất kinh doanh tại KCN; và

Thực hiện các chính sách, phương án di dời, tái định cư trong quá trình xây dựng, mở rộng KCN/KCNST theo quy hoạch và chính sách hiện hành

### **1.2.2. Các tổ chức quốc tế**

Quá trình xây dựng các chính sách và triển khai thực hiện các hoạt động về KCNST tại Việt Nam thời gian qua có vai trò quan trọng của nhóm các tổ chức quốc tế, thể hiện thông qua các hoạt động:

- (1) Tác động đến việc xây dựng, ban hành, thực hiện chính sách thông qua việc đóng góp ý kiến, kinh nghiệm thực tiễn
- (2) Cung cấp tài chính



(3) Xây dựng năng lực (thông qua đào tạo tập huấn, truyền thông nâng cao nhận thức, chuyển giao tri thức, công nghệ)

(4) Kết nối, vận động các bên liên quan

Trong nhóm các tổ chức quốc tế, một số cơ quan/tổ chức đóng vai trò rõ nét trong quá trình phát triển của KCNST tại Việt Nam thời gian qua như sau:

### (1) UNIDO

Với nhiệm vụ thúc đẩy phát triển công nghiệp bền vững trên quy mô toàn cầu, UNIDO hiện là đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất cả ở các quốc gia đang phát triển và các quốc gia trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế. Tại Việt Nam, UNIDO đang hỗ trợ các KCNST từ 2014, với sự hợp tác của các tổ chức toàn cầu khác như GEF.

#### Cụ thể, UNIDO:

- » Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và vận động cho các chính sách, công nghệ và thực hành sản xuất sạch hơn và hiệu quả sử dụng tài nguyên;
- » Hỗ trợ các chương trình sản xuất sạch hơn và hiệu quả sử dụng tài nguyên, bao gồm hỗ trợ việc thiết lập mạng lưới sản xuất sạch hơn. Đặc biệt, UNIDO đã bắt đầu các hoạt động về sản xuất sạch hơn ở Việt Nam từ năm 1996 và đã khởi xướng việc thành lập Trung tâm Sản xuất Sạch hơn Việt Nam (VNCPC) vào cuối những năm 1990.
- » UNIDO triển khai chương trình Khu công nghiệp sinh thái toàn cầu (GEIPP) do SECO tài trợ và hiện đượctriển khai tại 7quốc gia trong đó có Việt Nam,với hơn 18 khu công nghiệp;
- » Một trong những vai trò chính của UNIDO là đưa ra những tư vấn và xây dựng năng lực cho các bên liên quan khác bằng cách chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn áp dụng, cũng như tư vấn hỗ trợ các quyết định chính sách phù hợp cho việc chuyển đổi sang KCNST.

### (2) Cục kinh tế liên bang Thụy Sĩ và Quỹ Ủy thác Tín dụng xanh

SECO thông qua các dự án của Quỹ Ủy thác tín dụng xanh (GCTF), hỗ trợ phổ biến khái niệm KCNST ở các quốc gia khác nhau, trong đó có Việt Nam.

GCTF hoạt động trong giai đoạn 2007 - 2017 để hỗ trợ thúc đẩy đổi mới công nghệ. Mục đích là thúc đẩy hoạt động đầu tư trung hạn và dài hạn vào ứng dụng công nghệ sạch hơn trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Với GCTF, SECO hỗ trợ các khoản vay dài hạn cho công nghệ sản xuất sạch hơn thông qua cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (cho các đối tượng không đủ điều kiện vay thế chấp). Tổng các khoản hỗ trợ của SECO đối với phát triển KCNST theo hình thức này là 3 triệu USD (vốn đồng tài trợ của SECO thông qua GCTF).

**Các hoạt động hỗ trợ tài chính của Quỹ GCTF bao gồm: Hỗ trợ tài chính từ trung đến dài hạn cho các dự án đầu tư công nghệ sạch hơn của các doanh nghiệp:**

- » Bảo lãnh tối đa 50% tổng giá trị khoản vay
- » Trả thưởng tối đa 25% tổng giá trị khoản vay sau khi hệ thống công nghệ sạch hơn được sử dụng và làm giảm đáng kể mức phát thải ô nhiễm.

Thông qua ba đối tác ngân hàng thương mại là Techcombank, ACB hoặc VDB, các doanh nghiệp công nghiệp quy mô vừa và nhỏ khi sau khi áp dụng công nghệ mới, nâng cao hiệu quả và tiết kiệm năng lượng, sẽ được tài trợ một phần chi phí đầu tư sau khi lắp đặt, vận hành; nguồn vốn sẽ được chuyển đến các ngân hàng để khấu trừ các khoản vay ban đầu của doanh nghiệp cho các hoạt động cải tiến đó.



Thông qua việc hỗ trợ tài chính, mục tiêu của SECO là thúc đẩy hoạt động các mục tiêu xanh của các tổ chức tài chính khác; truyền thông thay đổi nhận thức cộng đồng; đẩy mạnh các hoạt động đổi mới công nghệ, sản xuất sạch hơn và bảo vệ môi trường toàn cầu.

### **(3) Ngân hàng thế giới**

Ngân hàng Thế giới (WB) cung cấp các khoản vay để hỗ trợ cho Việt Nam thực hiện tăng trưởng xanh và phát triển kinh tế bền vững, và cho các dự án về cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực và đổi mới kinh doanh.

WB cung cấp các nguồn lực để thúc đẩy nâng cao năng lực giữa các tổ chức công trong khu vực, thông qua các hoạt động liên quan đến lập kế hoạch, quản lý ngân sách, lập, đánh giá dự án và các đối tượng khác; đồng thời cũng đưa ra lời khuyên về việc xây dựng và thực thi chính sách công, cũng như hỗ trợ kỹ thuật cho chính phủ các nước đang phát triển.

Cùng với UNIDO và GIZ, WB đã xây dựng Khung quốc tế về KCNST để có định nghĩa và thước đo rõ ràng áp dụng đối với KCNST. WB cũng tiến hành nghiên cứu tầm quan trọng của các khu thương mại tự do đối với sự phát triển kinh tế của các quốc gia này; phối hợp làm việc với các tổ chức quốc tế khác, chính phủ và các cơ quan nghiên cứu để cải thiện công tác điều phối xây dựng và thực thi chính sách và đảm bảo môi trường phát triển phù hợp của các dự án.

#### **1.2.3. Các tổ chức hỗ trợ tài chính**

Các tổ chức hỗ trợ tài chính bao gồm các tổ chức trong và ngoài nước cung cấp/tài trợ nguồn lực tài chính nhằm khuyến khích/thúc đẩy quá trình phát triển của các KCNST và các DNST. Một số tổ chức tiêu biểu gồm:

##### **(1) Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam**

Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (VEPF) là tổ chức tài chính nhà nước, do Chính phủ thành lập với tổng vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng. Một trong những hoạt động chính của VEPF là hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, các hoạt động bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường mang tính quốc gia, liên ngành, liên vùng hoặc giải quyết các vấn đề môi trường cục bộ nhưng phạm vi ảnh hưởng lớn.

**Hoạt động hỗ trợ tài chính của VEPF hướng đến các nhóm khách hàng mục tiêu hoạt động cơ bản trong các lĩnh vực sau:**

- » Xử lý nước thải công nghiệp (khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp)
- » Xử lý nước thải, khí thải đối với 4.295 cơ sở, nhà máy, xí nghiệp, làng nghề nêu trong Quyết định số 64/2003/QĐ – TTg ngày 22/4/2003 về việc phê duyệt “Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng”;
- » Xử lý rác thải sinh hoạt;
- » Triển khai công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sản xuất các sản phẩm bảo vệ môi trường; và,
- » Xã hội hóa hoạt động thu gom rác thải.

VEPF được nhắc đến trong Nghị định 82 như một trong những tổ chức tài chính hỗ trợ với lãi suất ưu đãi cho các dự án, doanh nghiệp tham gia vào chương trình KCNST.

##### **(2) Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) được Thủ tướng Chính phủ thành lập năm 2006 nhằm thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển của Nhà nước. Vào tháng 7 năm 2021, Quỹ Khí hậu Xanh (GCF) đã chính thức công nhận VDB là Đơn vị Thực hiện Quốc gia (NIE). Với tư cách là NIE của GCF, VDB sẽ chịu trách nhiệm giám sát và quản lý tài trợ cho các chương trình và dự án thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu cho GCF.



VDB tham gia với tư cách là nhà cung cấp hỗ trợ tài chính cho Giai đoạn một của Dự án KCNST Việt Nam, với phần vốn cam kết là 1.770.000 USD bằng tín dụng ưu đãi nằm trong chương trình cho vay lại Hạn mức tín dụng Chống biến đổi khí hậu năm 2012 do Ngân hàng Đầu tư châu Âu (EIB) tài trợ.

VDB cho vay ưu đãi với lãi suất bằng 85% lãi suất của các ngân hàng thương mại, trong đó giá trị khoản vay không quá 80% tổng chi phí đầu tư đối mới công nghệ, thời gian vay lên đến 12 năm;

Đến nay, không có quy định về đối tượng cụ thể có thể tiếp cận quỹ. Khách hàng có thể là bất cứ doanh nghiệp nào có nhu cầu đầu tư đổi mới công nghệ trong phạm vi hoạt động của ngân hàng (Hình 3). Việc hỗ trợ tài chính nhằm khuyến khích các doanh nghiệp có định hướng về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, sản phẩm xanh.

**Hình 3: Phạm vi hoạt động của VDB**

Cho vay đầu tư	Cho vay xuất khẩu	Cho vay lại ODA	Bảo lãnh tín dụng
<ul style="list-style-type: none"><li>• Nhằm vào các dự án phát triển có nhu cầu vốn lớn, thời gian vay dài, được an hạn</li><li>• Đối tượng: bao gồm các dự án trong nước và các dự án nước ngoài có chủ đầu tư dự án thuộc Danh mục các dự án vay vốn tín dụng do CP quy định</li><li>• Hạn mức cho vay: tối đa 70% tổng mức đầu tư</li><li>• Lãi suất cho vay: 8.5% cố định trong thời gian vay</li><li>• Thời hạn: tối đa 12 năm</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Các hoạt động xuất khẩu ngắn hạn</li><li>• Đối tượng: các nhà xuất khẩu có hợp đồng xuất khẩu và các nhà nhập khẩu có hợp đồng nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục mặt hàng vay vốn tín dụng xuất khẩu<ul style="list-style-type: none"><li>» Hạn mức cho vay: tối đa 85% giá trị hợp đồng XNK</li><li>» Lãi suất: Bộ Tài chính quyết định</li><li>» Thời hạn: tối đa 12 tháng</li></ul></li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Ưu tiên theo lĩnh vực:<ul style="list-style-type: none"><li>» PT nông nghiệp, nông thôn</li><li>» Hạ tầng kinh tế</li><li>» Hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, dân số...)</li><li>» Bảo vệ tài nguyên - môi trường</li></ul></li><li>• Nâng cao thể chế</li><li>• Hình thức: không chịu rủi ro tín dụng và chịu rủi ro tín dụng</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Bảo lãnh doanh nghiệp vay vốn NHTM</li><li>• Dự án sản xuất kinh doanh, không nợ quá hạn tại thời điểm vay</li><li>• Dùng tài sản vay làm tài sản đảm bảo</li><li>• Phí bảo lãnh: 0.5%</li><li>• Bảo lãnh xuất khẩu</li><li>• Bảo lãnh dự thầu và thực hiện hợp đồng</li></ul>

### (3) Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia thuộc Bộ KH&CN

Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia (NATIF) là tổ chức tài chính phi lợi nhuận thuộc sở hữu nhà nước trực thuộc Bộ KH&CN. NATIF có chức năng cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn, hỗ trợ vốn cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, chuyển giao, đổi mới và cải tiến công nghệ.

Tổng vốn điều lệ của Quỹ là 1000 tỷ đồng từ NSNN về hoạt động khoa học công nghệ cấp và được bổ sung hàng năm để đạt tổng mức vốn điều lệ của quỹ. Quỹ được sử dụng 50% vốn NSNN cấp để thực hiện các hình thức hỗ trợ lãi suất vay, cho vay ưu đãi, bảo lãnh để vay vốn. Tuy nhiên, đến năm 2021, NATIF mới triển khai các hình thức tài trợ, hỗ trợ; chưa triển khai hình thức tín dụng. Vì vậy báo cáo này cũng chỉ đề cập đến các hình thức tài trợ của NATIF.



**Bảng 1: Đối tượng lựa chọn tài trợ của NATIF**

TT	Loại hình	Các đối tượng được tài trợ
1	Dự án	Nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao của doanh nghiệp để tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới; Ươm tạo công nghệ; sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới; Đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ phục vụ chuyển giao, ứng dụng công nghệ; Chuyển giao, hoàn thiện, sáng tạo công nghệ để sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia.
2	Đề tài	Nghiên cứu lập dự án nghiên cứu tiền khả thi, dự án khả thi cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; Tìm kiếm, giải mã công nghệ, khai thác sáng chế, cải tiến kỹ thuật cho phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.
3	Hoạt động	Nhân rộng, phổ biến, giới thiệu và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội ở khu vực nông thôn, miền núi; Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, thuê chuyên gia tư vấn trong nước, chuyên gia tư vấn nước ngoài cho phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

#### **(4) Quỹ năng lượng hiệu quả và Sản xuất sạch hơn của IFC thông qua các ngân hàng thương mại trong nước**

Chương trình tài trợ cho các dự án Sử Dụng Năng lượng Hiệu quả (EE) và Sản xuất Sạch hơn (CP) nằm trong khuôn khổ chương trình toàn cầu của IFC về Năng lượng Bền Vững. Chương trình hợp tác với một số ngân hàng thương mại, hỗ trợ các ngân hàng xây dựng chiến lược thị trường và các sản phẩm tài chính riêng biệt về năng lượng bền vững cho các doanh nghiệp đang muốn nâng cấp hệ thống dây chuyền sản xuất và công nghệ để đạt hiệu quả sử dụng năng lượng cao hơn, tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm và giảm tác động tới môi trường. Đến tháng 06/2014, tổng số vốn cam kết cho vay là 63 triệu US\$, tổng số vốn đã giải ngân là 51,5 triệu US\$. Ngoài việc hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn tài chính, bản thân IFC cũng có thể xem xét đầu tư vào các doanh nghiệp hoặc các dự án, tùy từng trường hợp cụ thể.

Khách hàng vay vốn Chương trình là các Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có kế hoạch nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng đáp ứng các điều kiện vay vốn của Chương trình.

##### **1.2.4. Tổ chức nghiên cứu**

**Các tổ chức nghiên cứu bao gồm các Viện / Học viện / Trường đại học / Trung tâm nghiên cứu tham gia vào quá trình phát triển KCNST ở các khía cạnh:**

- + Cung cấp các luận cứ khoa học cả về lý thuyết và thực tiễn làm tiền đề cho việc hoạch định, thực thi, giám sát các chính sách
- + Tư vấn, góp ý, phản biện,.. nhằm xây dựng và hoàn thiện chính sách
- + Tham gia đào tạo nhân lực, tuyên truyền/phổ biến nâng cao nhận thức, chuyển giao tri thức, công nghệ nhằm đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp, gián tiếp; đồng thời nhằm nâng cao ý thức cộng đồng



Tại Việt Nam, hệ thống các Viện nghiên cứu, trường đại học, học viện tham gia vào quá trình nghiên cứu, đào tạo, truyền bá các kiến thức liên quan đến phát triển bền vững (PTBV), PTBV trong công nghiệp, sản xuất và tiêu dùng bền vững,... nói chung và phát triển KCNST nói riêng khá phong phú trong những năm gần đây. Một số tổ chức điển hình tham gia trực tiếp vào dự án phát triển KCNST thời gian qua có thể gồm:

### **(1) Viện Nghiên cứu và Phát triển bền vững Vùng**

**Viện Nghiên cứu và Phát triển bền vững Vùng (IRSD)** là đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (VASS). IRSD đã tham gia các hoạt động và sáng kiến KCNST với các hoạt động sau:

- » Nghiên cứu khoa học và tư vấn các vấn đề kinh tế - xã hội, bao gồm nghiên cứu, tư vấn về cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế trong các lĩnh vực phát triển sinh thái công nghiệp, cộng sinh công nghiệp,...
- » Tư vấn xây dựng chính sách, phản biện chính sách liên quan đến phát triển bền vững, KCNST, KTTH,...
- » Hợp tác quốc tế về nghiên cứu và đào tạo, công bố quốc tế về các vấn đề nghiên cứu, trong đó có các lĩnh vực KCNST, KCN bền vững, môi trường và phát triển bền vững;
- » Trao đổi thông tin khoa học, tọa đàm, hội thảo với các cơ quan trong nước và nước ngoài về các vấn đề liên quan đến KCNST;
- » Kết hợp với cơ sở giáo dục xây dựng chương trình đào tạo, đào tạo thí điểm, xuất bản các ấn phẩm khoa học; phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học và truyền bá kiến thức khoa học về KCNST;
- » Kết hợp nghiên cứu với đào tạo đội ngũ chuyên gia về phát triển bền vững; tham gia đào tạo đại học và sau đại học, góp phần phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao về KCNST, công nghiệp cộng sinh;
- » Đào tạo, nâng cao năng lực, chuyển giao tri thức cho các bên liên quan về KCNST.

### **(2) Viện Chiến lược và Chính sách về Tài Nguyên và Môi trường**

ISPONRE là tổ chức khoa học thuộc Bộ TN&MT, với chức năng nhiệm vụ chính là nghiên cứu về các chiến lược khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường; bao gồm các hoạt động nghiên cứu, hợp tác nghiên cứu về bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm trong sản xuất công nghiệp, phát triển công nghiệp sạch, công nghiệp sinh thái,.... liên quan đến KCNST, ISPONRE:

- » Tổ chức nghiên cứu, phản biện về những vấn đề các bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên; bao gồm lĩnh vực phát triển công nghiệp, KCNST, kinh tế tuần hoàn...;
- » Tư vấn xây dựng chính sách, phản biện chính sách liên quan đến phát triển bền vững, kiểm soát ô nhiễm công nghiệp...;
- » Trao đổi thông tin khoa học, tọa đàm, hội thảo với các cơ quan trong nước và nước ngoài về các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm công nghiệp, bao gồm KCNST;
- » Đào tạo, nâng cao năng lực, chuyển giao tri thức cho các bên liên quan về KCNST.

### **(3) Viện Chiến lược phát triển - Bộ KH&ĐT**

Viện Chiến lược phát triển (DSI) là tổ chức khoa học phi lợi nhuận thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện chức năng nghiên cứu về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, quy hoạch cấp quốc gia, vùng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công của quốc gia; trong đó bao gồm các chiến lược phát triển công nghiệp nói chung - phát triển KCNST nói riêng; bao gồm:

- » Triển khai các chương trình nghiên cứu khoa học về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và những nghiên cứu khoa học liên quan;
- » Tư vấn, tham gia ý kiến về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển;
- » Trao đổi học thuật, tọa đàm, hội thảo với các cơ quan trong nước và nước ngoài về các vấn đề liên quan;
- » Đào tạo, nâng cao năng lực, chuyển giao tri thức.



#### **(4) Học viện Khoa học xã hội**

Học viện Khoa học xã hội (GASS) là cơ sở đào tạo sau đại học về khoa học xã hội, khoa học liên ngành trực thuộc VASS. Các khoa Kinh tế, khoa Phát triển bền vững của GASS đã có các hợp tác với dự án KCNST để triển khai một số hoạt động đào tạo thí điểm về KCNST; cụ thể:

- » Chia sẻ, tư vấn xây dựng nội dung đào tạo thí điểm về KCNST, công nghiệp cộng sinh;
- » Đào tạo thí điểm các nội dung liên quan tại khoa Kinh tế và khoa Phát triển bền vững;
- » Khảo sát, lấy ý kiến của giáo viên, chuyên gia, học viên về các nội dung và hình thức các khóa đào tạo về KCNST.

#### **(5) Trường đại học Bách khoa Hà Nội**

Trường đại học Bách khoa Hà Nội (ĐHBKHN) là một trong những cơ sở nghiên cứu và đào tạo lớn về khoa học tự nhiên, nghiên cứu và giảng dạy về ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển của Việt Nam; ĐHBKHN đào tạo về công nghệ xanh, công nghệ bảo vệ môi trường, sản xuất xanh, sản xuất sạch hơn,... . Trung tâm sản xuất sạch hơn (VNPCP) và các khoa ngành khác của ĐHBKHN đều tham gia nghiên cứu, tư vấn, đào tạo, giảng dạy, hợp tác quốc tế về lĩnh vực này.

#### **1.2.5. Các tổ chức tư vấn**

**Các tổ chức tư vấn bao gồm các tổ chức trong và ngoài nước tham gia vào hỗ trợ quá trình thực hiện dự án KCNST ở nhiều khía cạnh chuyên sâu khác nhau như:**

- + Ảnh hưởng/tác động đến chính sách dựa trên việc cung cấp cơ sở lý thuyết, kinh nghiệm thực tiễn; công nghệ - kỹ thuật thực hiện; cơ chế chính sách; về truyền thông, phổ biến thông tin,...
- + Xây dựng năng lực thông qua các hoạt động truyền tải/phổ biến thông tin; đào tạo, tập huấn, chuyển giao tri thức, công nghệ, thiết bị cho các cơ quan, tổ chức quản lý, thực hiện KCNST

**Sự tham gia của các đơn vị tư vấn trong dự án KCNST khá đa dạng, bao gồm các mảng về tư vấn xây dựng chính sách, kinh nghiệm quốc tế, sản xuất sạch hơn, truyền thông nâng cao nhận thức,.. Một số các đơn vị điển hình như:**

#### **Sofies (Thụy Sĩ)**

**Sofies là tập đoàn quốc tế chuyên tư vấn về phát triển kinh tế bền vững trên quy mô toàn cầu. Đối với dự án KCNST, Sofies thực hiện:**

- » Các dịch vụ xoay quanh khái niệm sinh thái công nghiệp và cộng sinh công nghiệp nhằm tạo ra những tác động tích cực cho phát triển;
- » Cung cấp các phương pháp và công cụ chính để xác định các cơ hội cộng sinh công nghiệp và huy động sự tham gia của các bên liên quan;
- » Đào tạo, giảng dạy, chuyển giao tri thức trong hoạt động xây dựng và vận hành các KCNST thông qua các hội thảo tập huấn do UNIDO tổ chức.

#### **Trung tâm sản xuất sạch Việt Nam**

Trung tâm sản xuất sạch Việt Nam (VNPCP) được thành lập năm 1998 trong khuôn khổ dự án UNIDO do chính phủ Thụy sĩ tài trợ. Dự án này do UNIDO điều hành và Đại học Bách khoa Hà Nội thực hiện. Mục đích cốt lõi của dự án là phổ biến rộng rãi khái niệm về sản xuất sạch hơn và xúc tiến việc áp dụng tiếp cận chủ động phòng ngừa ô nhiễm này vào các doanh nghiệp công nghiệp ở Việt Nam. Hiện nay, VNPCP cung cấp các dịch vụ liên quan đến KCNST bao gồm:

- » Hỗ trợ kỹ thuật về tiết kiệm chi phí sản xuất - đánh giá tiềm năng RECP, giúp DN xác định các cơ hội tiết kiệm tài nguyên và kinh phí trong quá trình sản xuất;





- » Tư vấn tiết kiệm năng lượng thông qua việc nhận diện cơ hội sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, hỗ trợ tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi về đổi mới công nghệ;
- » Xây dựng và thực hiện các giải pháp;
- » Kiểm toán năng lượng cho các đơn vị sản xuất, nhà máy, xí nghiệp,.
- » Tư vấn xây dựng mô hình KCNST, tạo ra các lợi thế cạnh tranh của DN và KCN thông qua việc thực hiện các giải pháp cộng sinh công nghiệp và các giải pháp RECP và RECP<sup>1</sup> tích hợp ;
- » Đào tạo và nâng cao năng lực;
- » Chuyển giao công nghệ cho địa phương, doanh nghiệp, tổ chức,... liên quan đến các hoạt động sản xuất sạch hơn, sử dụng tiết kiệm hiệu quả năng lượng.

### **Trung tâm phát triển bền vững đô thị (CENSUD)**

**Vai trò của CENSUD tham gia dự án phát triển KCNST ở các nội dung sau:**

- » Tư vấn xây dựng chính sách liên quan đến phát triển bền vững, KCNST, KTTH,..
- » Trao đổi thông tin khoa học, tọa đàm, hội thảo với các cơ quan trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến KCNST;
- » Kết hợp nghiên cứu với đào tạo đội ngũ chuyên gia về chuyên ngành phát triển bền vững vùng;
- » Tham gia đào tạo đại học và sau đại học, góp phần phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao về KCNST, cộng sinh công nghiệp...

### **Trung tâm Môi trường và Phát triển Cộng đồng**

Trung tâm Môi trường và Phát triển Cộng đồng (CECoD) là đơn vị tư vấn nghiên cứu, đào tạo và dịch vụ khoa học công nghệ thuộc Hội bảo vệ Thiên nhiên và môi trường Việt Nam. Các hoạt động của trung tâm trong việc phát triển KCNST bao gồm:

- » Đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung cấp các giải pháp công nghệ về bảo vệ môi trường, ứng phó các sự cố trong hoạt động công nghiệp và KCN;
- » Tư vấn bảo vệ môi trường;
- » Tham vấn cộng đồng và thực hiện sổ tay phòng ngừa, chuẩn bị và ứng phó với các sự cố và thiên tai môi trường trong các KCN

#### **1.2.6. Các tổ chức doanh nghiệp**

Các doanh nghiệp trong các KCN là hạt nhân quan trọng nhất trong quá trình thực hiện KCNST và DNST. DN vừa là đối tượng của các chính sách, vừa có quyền lợi và nghĩa vụ gắn bó trực tiếp đối với mỗi quyết định liên quan đến KCNST, DNST. Hai nhóm doanh nghiệp liên quan trực tiếp bao gồm: Các doanh nghiệp đầu tư và phát triển hạ tầng KCN và các DN thuê đất (doanh nghiệp thứ cấp) trong các KCN

#### **Các Công ty đầu tư và phát triển hạ tầng KCN**

Các Công ty đầu tư và phát triển hạ tầng KCN có vai trò quan trọng trong việc xây dựng, phát triển của ngành công nghiệp và KCNST tại địa bàn từng tỉnh. Các công ty này chịu trách nhiệm vừa thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng và vận hành các KCN, vừa quản lý các hoạt động của các DN thứ cấp trong KCN / KCNST. Bao gồm:

- » Huy động ngân sách Nhà nước hoặc các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng các KCN /KCNST.
- » Thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư vào KCN/KCNST trên cơ sở dự án đầu tư và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt. Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan trong việc lập thủ tục thu hồi đất, lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng; lập hồ sơ thủ tục xây dựng các khu tái định canh, tái định cư.



- » Lập kế hoạch đầu tư xây dựng để phát triển các công trình kết cấu hạ tầng trong KCN/KCNST, thông qua cơ quan quản lý thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.
- » Triển khai xây dựng các công trình hạ tầng phù hợp với quy hoạch chi tiết KCN/KCNST, thiết kế và tiến độ dự án được duyệt.
- » Duy tu, bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng KCN/KCNST trong suốt thời gian hoạt động.
- » Bảo đảm các vấn đề về vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, môi trường sinh thái trong KCN/KCNST.
- » Kêu gọi, vận động các nhà đầu tư thứ cấp vào KCN trên cơ sở mục tiêu phát triển
- » Phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các doanh nghiệp thực hiện các chính sách, chế độ về lao động đối với người lao động làm việc trong KCN theo quy định của pháp luật về lao động.

### **Các doanh nghiệp thứ cấp trong các KCN**

Các doanh nghiệp/doanh nghiệp sinh thái trong một KCN/KCNST là cộng đồng các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ có mối liên hệ mật thiết và hợp tác hướng tới các lợi ích cao hơn về kinh tế - xã hội và môi trường thông qua việc tham gia vào sản xuất sạch hơn và sử dụng hiệu quả tài nguyên, thực hiện các hoạt động cộng sinh công nghiệp.

**Các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN / KCNST đóng vai trò quyết định trong sự thành công của mô hình KCNST. Các hoạt động của các doanh nghiệp thứ cấp gồm:**

- » Tham gia vào chương trình xây dựng KCNST của KCN/KCNST đang phát động.
- » Tham gia các chương trình đào tạo, hướng dẫn về cách thức triển khai các hoạt động cải tiến trong phạm vi nội bộ doanh nghiệp, cộng sinh công nghiệp và chia sẻ giữa các doanh nghiệp trong KCN.
- » Thành lập một nhóm thực hiện kế hoạch/chương trình tham gia KCNST của doanh nghiệp. Truyền thông, chia sẻ kế hoạch, mục tiêu của chương trình; nâng cao nhận thức, tinh thần hợp tác của người lao động trong quy mô doanh nghiệp.
- » Thực hiện hoạt động kiểm toán năng lượng, kiểm toán chất thải của DN (có hoặc không thuê tư vấn). Xác định các cơ hội sinh thái của doanh nghiệp và lập đề xuất.
- » Áp dụng các giải pháp sinh thái trong phạm vi doanh nghiệp

### **Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)**

VCCI thúc đẩy và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam trong quan hệ trong nước và quốc tế. Đồng thời VCCI có chức năng thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, xúc tiến hỗ trợ các hoạt động thương mại, đầu tư, hợp tác giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Đối với hoạt động xây dựng và phát triển KCNST, VCCI:

- » Đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng các chính sách liên quan đến KCNST, doanh nghiệp sinh thái
- » Là đầu mối tập hợp thông tin, ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp và tham gia quá trình tham vấn các đoàn đàm phán về kinh tế, thương mại;
- » Tham gia với cơ quan Nhà nước trong quá trình đàm phán, ký kết thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp;
- » Hỗ trợ doanh nghiệp trong hội nhập KT quốc tế;
- » Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cộng đồng doanh nghiệp trong các quan hệ kinh doanh;



- » Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thực thi các chính sách quản lý của nhà nước nói chung và về KCNST, doanh nghiệp sinh thái nói riêng;
- » Tuyên truyền, phổ biến, tư vấn thực thi chính sách pháp luật của nhà nước liên quan đến phát triển bền vững doanh nghiệp, KCN, xây dựng KCNST,..;

### 1.2.7. Các tổ chức xã hội dân sự

Các tổ chức xã hội dân sự bao gồm các cơ quan báo chí, tổ chức đại diện cho người lao động, đại diện cho doanh nghiệp, cộng đồng người dân địa phương... là các tổ chức đại diện cho các bên chịu tác động của chính sách; đồng thời là kênh truyền tải, lan tỏa thông tin cũng như đưa ra ý kiến phản biện chính sách liên quan đến KCNST. Một số tổ chức đại diện gồm:

#### Cơ quan báo chí

**Cơ quan báo chí có vai trò:**

- » Tham gia vào các hoạt động tuyên truyền thông tin về mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển KCNST ở Việt Nam nói chung và các dự án/chương trình KCNST;
- » Truyền thông, chia sẻ thông tin, trang bị kiến thức cho cộng đồng và doanh nghiệp kiến thức về nguyên tắc, nội dung, định nghĩa và vai trò của KCNST cũng như thông tin về lợi ích mà KCNST mang lại cho cộng đồng địa phương, doanh nghiệp và môi trường sống nói chung.
- » Đưa ra các phản biện, ý kiến, góp ý về các hoạt động liên quan đến xây dựng và thực hiện KCNST, doanh nghiệp sinh thái.
- » Hỗ trợ kết nối doanh nghiệp về thông tin kinh doanh, khoa học công nghệ,...;
- » Vận động doanh nghiệp nâng cao ý thức xã hội, văn hóa kinh doanh, bảo vệ môi trường hướng tới sự phát triển bền vững của cộng đồng doanh nghiệp và các KCN.
- » Theo dõi và đánh giá hiệu quả sinh thái của các hoạt động trong phạm vi doanh nghiệp.

#### Tổ chức đại diện người lao động trong doanh nghiệp (Công đoàn doanh nghiệp, công đoàn KCN)

Tổ chức đại diện người lao động trong doanh nghiệp chính là Công đoàn trong các doanh nghiệp, Công đoàn các khu công nghiệp. Thông qua tổ chức Công đoàn, người lao động/tổ chức đại diện cho người lao động có quyền và trách nhiệm tham gia vào các hoạt động của dự án KCNST ở các khía cạnh:

- » Được cung cấp thông tin, tư vấn về các hoạt động liên quan về KCNST, kế hoạch thực hiện của doanh nghiệp, KCN;
- » Tham gia đào tạo liên quan đến KCNST để hiểu về vai trò và lợi ích của KCNST, và đảm nhiệm các nhiệm vụ được giao;

#### Tổ chức cộng đồng địa phương

Cộng đồng địa phương cũng trực tiếp tham gia và chịu ảnh hưởng (có lợi / bất lợi) của các hoạt động phát triển KCNST, chính vì vậy, người dân / cộng đồng địa phương có quyền và trách nhiệm tham gia vào việc thực hiện KCNST với vai trò: Được cung cấp thông tin, tư vấn các hoạt động liên quan về KCNST cũng như kế hoạch thực hiện của KCN;

Được cung cấp kiến thức liên quan đến KCNST để hiểu về vai trò và lợi ích của KCNST, lợi ích và các tác động xã hội-kinh tế có thể có đối với cộng đồng;

Đưa ra phản biện, phản hồi và nhận xét về thực hiện KCNST tại địa phương.



### 1.3. TÓM TẮT VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

**Bảng 2:** Tóm tắt vai trò của các bên liên quan

TT	Bên liên quan	Xây dựng, ban hành chính sách	Thực thi chính sách	Tác động đến xây dựng chính sách	Quản lý / Giám sát	Cung cấp tài chính	Khuyến khích, thu hút	Xây dựng năng lực	Kết nối các bên liên quan
I	Cơ quan quản lý nhà nước								
1.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓
2.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	✓	✓	✓	✓		✓		
3.	Bộ Công thương	✓	✓	✓	✓		✓		
4.	Bộ Xây dựng	✓	✓	✓	✓		✓		
5.	Bộ Khoa học và Công nghệ	✓	✓	✓	✓		✓		
6.	UBND Tỉnh		✓	✓	✓	✓	✓		✓
7.	Ban Quản lý các KCN		✓	✓	✓		✓	✓	✓



TT	Bên liên quan	Xây dựng, ban hành chính sách	Thực thi chính sách	Tác động đến xây dựng chính sách	Quản lý / Giám sát	Cung cấp tài chính	Khuyến khích, thu hút	Xây dựng năng lực	Kết nối các bên liên quan
8.	Các Sở KHĐT, KHCN, TNMT, Công Thương, LĐTĐBXH		✓	✓	✓			✓	✓
9.	UBND huyện và UBND xã nơi có KCN / KCNST		✓	✓	✓			✓	✓
II	<b>Các tổ chức Quốc tế</b>								
10.	Ngân hàng Thế giới			✓		✓	✓		✓
11.	Tổ chức phát triển công nghiệp Liên Hợp Quốc			✓		✓	✓		✓
12.	Cục kinh tế liên bang Thụy Sĩ			✓		✓	✓		✓
III	<b>Các tổ chức Tài chính</b>								
13.	Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam			✓		✓	✓		
14.	Các Ngân hàng Việt Nam (VDB, VIB, Techcombank, ACB)			✓		✓	✓		



TT	Bên liên quan	Xây dựng, ban hành chính sách	Thực thi chính sách	Tác động đến xây dựng chính sách	Quản lý / Giám sát	Cung cấp tài chính	Khuyến khích, thu hút	Xây dựng năng lực	Kết nối các bên liên quan
15.	Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia					✓	✓		
16.	Quỹ EE-CP của IFC					✓	✓	✓	✓
IV	<b>Các cơ sở Nghiên cứu, đào tạo</b>								
17.	Viện Nghiên cứu và Phát triển bền vững Vùng			✓				✓	✓
18.	Viện Chiến lược và Chính sách về Tài Nguyên và Môi trường			✓				✓	✓
19.	Viện Chiến lược phát triển - Bộ KHĐT			✓				✓	✓
20.	Học viện KHXH			✓				✓	✓
21.	Đại học Bách khoa Hà Nội			✓				✓	✓
V	<b>Đơn vị tư vấn</b>								
22.	Trung tâm phát triển bền vững đô thị			✓				✓	✓



TT	Bên liên quan	Xây dựng, ban hành chính sách	Thực thi chính sách	Tác động đến xây dựng chính sách	Quản lý/ Giám sát	Cung cấp tài chính	Khuyến khích, thu hút	Xây dựng năng lực	Kết nối các bên liên quan
23.	Sofies (Thụy Sĩ)			✓				✓	✓
24.	Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam			✓				✓	✓
25.	Trung tâm Môi trường và Phát triển Cộng đồng			✓				✓	✓
<b>VI</b>	<b>Doanh nghiệp</b>								
26.	Công ty đầu tư và phát triển hạ tầng KCN		✓		✓	✓			✓
27.	Doanh nghiệp		✓				✓		
28.	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam		✓				✓		
<b>VII</b>	<b>Các tổ chức xã hội</b>								
29.	Cơ quan báo chí						✓		
30.	Cộng đồng địa phương				✓		✓		
31.	Đại diện người lao động						✓		

The image features a light blue background with several overlapping, curved, lime-green shapes. These shapes are arranged in a way that suggests a stylized letter 'R' or a similar abstract form. The shapes are separated by thin, light blue lines. In the upper right quadrant, the number '2.' is written in a white, sans-serif font.

2.





## PHÂN LOẠI VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan trong phát triển KCNST tại Việt Nam có vai trò, trách nhiệm khác nhau trong việc thực hiện các sáng kiến KCNST hướng tới bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, được quy định rõ trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc phát triển KCN (đặc biệt là tại Nghị định 82/2018).

### 2.1. NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI

Để phân loại/đánh giá mức độ tham gia của các bên liên quan, nhóm nghiên cứu căn cứ trên 2 yếu tố cơ bản là:

(1) tầm ảnh hưởng; và

(2) sự quan tâm/tham gia của họ vào sự phát triển của KCNST tại Việt Nam thời gian qua.

**Tầm ảnh hưởng (lớn/trung bình/thấp) có thể được đánh giá qua:**

- i. Được quy định tại các căn cứ pháp lý về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trực tiếp liên quan đến việc phát triển KCNST của chính phủ
- ii. Được quy định tại các thỏa thuận, hiệp ước, hợp đồng,... liên quan đến phát triển KCNST; hoặc được huy động/kêu gọi tham gia bởi các bên có thẩm quyền
- iii. Số lượng vai trò chính mà đối tượng thực hiện (tổng kết tại phần 1.3 dưới đây)

**Mức độ tham gia (cao/trung bình/thấp) có thể được phân loại như sau:**

- i. Các bên liên quan có quyền/ hoặc trách nhiệm liên quan đến việc phát triển KCNST, Phát triển bền vững và bảo vệ môi trường;
- ii. Các bên liên quan có hiểu biết về KCNST và các hoạt động liên quan đến KCNST.
- iii. Các bên liên quan muốn hợp tác, tham gia vào các hoạt động về KCNST hoặc tham gia khảo sát/bảng hỏi/phỏng vấn.

Và vai trò của từng bên liên quan sẽ được phân loại dựa trên mức độ ảnh hưởng và mức độ quan tâm, được tổng hợp trong một ma trận 2 chiều.

### 2.2. KẾT QUẢ PHÂN LOẠI

Dựa trên nguyên tắc phân loại trên và đặc điểm của từng bên liên quan đã nêu cụ thể trong phần 1, kết quả được thể hiện tại Bảng 3:



**Bảng 3: Vai trò của các bên liên quan**

Mức độ quan tâm	<b>Cao</b>	<p><b>Tổ chức quốc tế:</b> SECO (bao gồm cả GCTF) WB</p> <p><b>Tổ chức xã hội:</b> Cơ quan báo chí</p> <p><b>Tổ chức tài chính:</b> Quỹ EE-CP của IFC; Các ngân hàng (VDB, VIB, ACV, Techcombank); Quỹ BVMT Việt Nam; Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia</p> <p>...</p>	<p><b>Cơ quan QLNN:</b> Bộ KHĐT; Bộ TN&amp;MT; Bộ Công thương; Bộ Xây dựng; Bộ KH&amp;CN; UBND các tỉnh</p> <p>Ban Quản lý các KCN</p> <p><b>Doanh nghiệp:</b> Công ty đầu tư và phát triển hạ tầng KCN; Các doanh nghiệp thứ cấp</p> <p><b>Tổ chức quốc tế:</b> UNIDO</p>	
	<b>Trung bình</b>	<p><b>Trường đại học, Viện nghiên cứu:</b> Học viện KHXH; ...</p> <p><b>Tổ chức xã hội:</b> Tổ chức công đoàn tại DN, KCN</p> <p>...</p>	<p><b>Cơ quan QLNN:</b> UBND cấp huyện và xã nơi có KCN, KKT</p> <p>Các Sở quản lý trực tiếp tại địa phương</p> <p><b>Tổ chức xã hội:</b> Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam</p> <p>...</p>	<p><b>Trường đại học, Viện nghiên cứu:</b> Viện Nghiên cứu và PTBV Vùng; Viện CL&amp;CS về TNMT; Viện Chiến lược phát triển - Bộ KHĐT; Đại học Bách khoa Hà Nội</p> <p>...</p> <p><b>Tổ chức tư vấn:</b> Sofies (Thụy Sĩ); Trung tâm phát triển đô thị bền vững; Trung tâm MT&amp;PT Cộng đồng; Trung tâm sản xuất sạch Việt Nam</p> <p>...</p>
	<b>Thấp</b>	<p><b>Tổ chức xã hội:</b> Cộng đồng dân cư</p> <p>...</p>		
		<b>Thấp</b>	<b>Trung bình</b>	<b>Cao</b>
	Mức độ ảnh hưởng			



## 2.3. THẢO LUẬN

---

### - Vai trò then chốt:

- + Các cơ quan quản lý nhà nước tham gia vào hầu hết các công việc thiết yếu như: xây dựng và ban hành chính sách, chiến lược phát triển, cơ chế giám sát, đầu tư ngân sách, chủ trì thực hiện,...; ví dụ như: Bộ KHĐT, Bộ Công thương, Bộ TNMT,...
- + Các công ty xây dựng hạ tầng KCN và các doanh nghiệp là các đối tác không thể thay thế trong công tác tổ chức thực hiện. Sự quan tâm và tham gia của họ quyết định đến sự thành công/thất bại của chương trình
- + Ban QLKCN cũng đóng vai trò là đơn vị quản lý trực tiếp; kết nối các bên, chủ trì thực hiện hầu hết các hoạt động liên quan ở cả 2 phía: hỗ trợ doanh nghiệp và quản lý doanh nghiệp

### - Vai trò chính:

Các bên liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia thực hiện, hoặc hỗ trợ, thúc đẩy sự phát triển của KCNST về những khía cạnh liên quan gồm: lý luận, chính sách pháp lý, tài chính, kỹ thuật, thông tin,....

Không đóng vai trò then chốt nhưng cũng đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy nhanh các quá trình triển khai thực hiện; tạo động lực cho doanh nghiệp chính là nhóm cấp cung cấp các nguồn lực cần thiết bao gồm: tài chính, lý luận, điều kiện công nghệ/thiết bị và hỗ trợ/khuyến khích phi tài chính. Nhóm đóng vai trò chính bao gồm:

- + Nhà cung cấp tài chính: các tổ chức quốc tế, các quỹ, ngân hàng,...
- + Nhà tư vấn, hỗ trợ về lý luận, công nghệ

### - Vai trò thứ cấp:

Là các bên tham gia ở mức độ gián tiếp góp phần truyền thông quảng bá, mở rộng sự quan tâm, hiểu biết của xã hội/cộng đồng về KCNST

Ở mức thấp nhất, đóng góp trực tiếp/gián tiếp, không mang lại những thay đổi tức thời nhưng cần lâu dài và mang tính củng cố, hỗ trợ thêm đối với các đóng góp của các nhóm chính yếu đó chính là các hoạt động của các nhóm thụ hưởng như cộng đồng, người lao động và các tổ chức chính trị xã hội khác.

The image features a light blue background with several overlapping, semi-transparent green shapes. These shapes include a large curved segment in the upper right, a trapezoidal shape in the middle left, and a large curved segment in the lower right. A prominent white number '3.' is positioned in the upper right area, partially overlapping the green shapes.

3.



## ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và đặc thù của từng bên liên quan trong quá trình phát triển bền vững các KCN nói chung và phát triển KCNST nói riêng và dựa trên kết quả đánh giá (trình bày trong Phần 2.2 ở trên được coi là các mục tiêu mong đợi (mức độ ảnh hưởng và mức độ quan tâm) cho từng nhóm các bên liên quan. Chương 3 phân tích và so sánh các mục tiêu dự kiến với tính hiệu quả và vai trò của mỗi bên trong thực tiễn. Thông qua những kết quả và thành tựu phát triển KCNST tại Việt Nam trong thời gian qua, có thể thấy các bên liên quan đã đóng vai trò/ảnh hưởng thực tế như thế nào và, đồng thời thấy được khoảng cách/hạn chế cản trở phát triển của các KCN ST ở Việt Nam trong những năm qua là gì.

### 3.1. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Chương này đánh giá từng bên liên quan theo 08 vai trò được liệt kê trong phần 1.3 và ấn định điểm cho họ dựa trên các quy ước sau:

- » 2 điểm: Các bên liên quan đang thực hiện tốt vai trò đó. Nói cách khác, không có khoảng trống giữa việc thực tế và nhiệm vụ/vai trò đặt ra.
- » 1 điểm: Các bên liên quan đã thể hiện sự tham gia, nhưng kết quả còn hạn chế, cần tham gia nhiều hơn; nghĩa là có khoảng cách giữa vai trò thực tế và vai trò đặt ra.
- » 0 điểm: Chưa tham gia/ đóng góp.

Điểm số chỉ thị theo màu như sau:

2	2 điểm - Tham gia hoàn toàn
1	1 point - Tham gia hoàn toàn
0	0 point - Không tham gia
N.A	N.A - Không có vai trò



**Hình 4: Kết quả tính điểm đối với nhóm Cơ quan quản lý nhà nước**

TT	Bên liên quan	Xây dựng, ban hành chính sách	Thực thi chính sách	Tác động đến xây dựng chính sách	Quản lý /giám sát	Cung cấp tài chính	Khuyến khích thúc đẩy	Xây dựng năng lực	Kết nối các bên liên quan
1.	Bộ Kế hoạch và đầu tư (MPI)	2	2	2	2	N.A	1	2	2
2.	Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE)	1	2	2	2	N.A	1	N.A	N.A
3.	Bộ Công thương (MOIT)	1	2	2	2	N.A	1	N.A	N.A
4.	Bộ Xây dựng (MOC)	1	2	2	2	N.A	1	N.A	N.A
5.	Bộ Khoa học và Công nghệ (MOST)	1	2	2	2	N.A	1	N.A	N.A
6.	UBND tỉnh	1	2	1	1	N.A	1	N.A	1
7.	Ban Quản lý các KCN	N.A	2	1	1	N.A	1	N.A	1
8.	Các Sở KHĐT, KHCN, TNMT, Công Thương, LĐTĐBXH	N.A	1	1	1	N.A	N.A	1	1
9.	UBND cấp huyện và xã nơi có KCN, KKT	N.A	1	0	1	N.A	N.A	1	0



## 3.2. KHOẢNG TRỐNG NĂNG LỰC CỦA CÁC NHÓM THAM GIA

Bằng cách cho điểm sự tham gia của từng bên liên quan, kết quả được tổng hợp và phân tích theo các nhóm (Cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức tài chính, tổ chức nghiên cứu, cơ quan tư vấn, tổ chức doanh nghiệp và tổ chức xã hội) có thể thấy vai trò của các bên được thực hiện ở mức độ nào và xác định được các dự địa cải thiện (nếu có) trong thời gian tới.

### 3.2.1. Cơ quan quản lý nhà nước

Có 9 đơn vị hành chính công tham gia vào việc phát triển các KCNST. Nhóm này được coi là một nhóm quan trọng. Các bộ liên quan có vai trò ngang nhau trong việc phát triển các KCNST, thể hiện qua việc xây dựng và ban hành chính sách, thực thi chính sách, ảnh hưởng/tác động chính sách, quản lý/giám sát và hầu hết tất cả đều thực hiện tốt các vai trò này (2 điểm), chỉ riêng với nhiệm vụ xây dựng và ban hành chính sách các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách của các Bộ TNMT, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và Bộ Khoa học và Công nghệ chưa được thực hiện (1 điểm). Và mặc dù các bộ liên quan đều đóng vai trò xúc tiến, nhưng do hạn chế về ngân sách, việc khuyến khích phát triển các KCNST thông qua các hình thức trao thưởng mới được thực hiện một phần (1 điểm). Riêng Bộ Xây dựng, chưa tham gia vào hoạt động xúc tiến (0 điểm). Ngoài ra, Bộ KH & ĐT có thêm 2 vai trò là Kết nối các bên liên quan và Truyền thông / phân phối và hoàn thành đầy đủ các vai trò này (2 điểm).

Các cơ quan quản lý nhà nước ở cấp tỉnh có vai trò chính trong việc Thực thi chính sách, Ảnh hưởng / tác động chính sách, Quản lý / Giám sát và Kết nối các bên liên quan và việc thực hiện các vai trò này đều ở mức vừa phải (1 điểm) và cần được đẩy mạnh hơn nữa trong thời gian tới. Cụ thể như sau:

- » UBND cấp tỉnh có thêm vai trò xây dựng, ban hành chính sách và khuyến khích, thu hút; Tuy nhiên, việc thực hiện vẫn còn hạn chế (1 điểm) do KCNST là một lĩnh vực mới đòi hỏi nhiều nỗ lực và đầu tư nguồn lực hơn để nâng cao hiệu quả thực hiện các vai trò của chúng.
- » Cơ quan quản lý các KCN/KKT cấp tỉnh đóng vai trò quan trọng, so với tất cả các bên liên quan, bộ phận này nắm giữ 6 trên 8 vai trò chính, cao nhất (chỉ loại trừ việc xây dựng, ban hành chính sách và cung cấp tài chính). Tuy nhiên, ngoại trừ việc Thực thi chính sách đang được thực hiện tốt (2 điểm), các vai trò khác vẫn đang được thực hiện ở mức độ hạn chế hoặc thậm chí là chưa được thực hiện; cụ thể, Cơ quan được đánh giá 1 điểm cho Ảnh hưởng / tác động của Chính sách, Quản lý / Giám sát, Kết nối các bên liên quan và Truyền thông /tuyên truyền nâng cao năng lực. Còn các hoạt động Khuyến khích, thúc đẩy, Tăng cường năng lực và Hỗ trợ kỹ thuật do nguồn nhân lực và tài chính chưa được bố trí nên việc thực hiện các vai trò này còn thiếu (0 điểm).
- » Ủy ban nhân dân cấp huyện/xã có 5 vai trò, tuy nhiên do năng lực chuyên môn hạn chế và không được tiếp cận chuyên sâu về chủ đề KCNST nên chỉ tham gia được một phần vai trò về Thực thi chính sách, Quản lý/Giám sát và Truyền thông/tuyên truyền nâng cao năng lực(1 điểm), và hầu như chưa bao giờ đóng vai trò trong Ảnh hưởng / tác động của Chính sách và Kết nối các bên liên quan (0 điểm).

**Để hoàn thiện những khoảng trống năng lực đã được xác định, cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa để có những yếu tố hỗ trợ sau:**

- » Hướng dẫn cụ thể về hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ KCNS, DNST; cấp/cấp lại/thu hồi chứng nhận KCNST/DNST.
- » Các quy định / hướng dẫn cụ thể về vận hành các đơn vị / cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu phục vụ hoạt động cộng sinh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp;



- » Các quy định / hướng dẫn về các khía cạnh an toàn lao động và trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp sinh thái;
- » Quy chế quản lý, giám sát thực hiện khu công nghiệp sinh thái; lợi ích / ưu đãi đối với các khu công nghiệp sinh thái,... cần được cải thiện và tạo thêm động lực cho các doanh nghiệp, khu công nghiệp.

### 3.2.2. Các tổ chức quốc tế

Ba tổ chức quốc tế chính ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của KCNST tại Việt Nam thời gian gần đây là UNIDO, WB và SECO (bao gồm cả GCTF).

Vai trò chính của UNIDO với sự hỗ trợ của SECO là cung cấp hỗ trợ kỹ thuật để tạo nền tảng cho sự phát triển của các KCNST và chỉ ra sự cần thiết và lợi ích của việc phát triển KCNST ở Việt Nam. Không những thế WB và UNIDO cũng tham gia trong việc tham mưu xây dựng các quy định về KCNST và khung quốc tế về KCNST. Các tổ chức quốc tế trong việc thực hiện KCNST đã chứng minh:

- » Thực hiện tốt các cam kết về chính sách viện trợ tài chính trong việc khắc phục các sự cố, cũng như các cam kết hỗ trợ tư vấn, chuyển giao công nghệ nhằm giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện môi trường;
- » Tạo động lực tích cực giúp nhóm cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam đẩy mạnh hơn việc hoạch định chính sách và triển khai trên diện rộng mô hình KCNST;
- » Hỗ trợ tài chính và giám sát việc thực hiện các hoạt động thực thi liên quan thông qua các khoản viện trợ ODA không hoàn lại và các ưu đãi liên quan khác để thực hiện các dự án cải thiện môi trường.

**Khoảng trống trong việc thực hiện các vai trò có thể nhận diện qua các điểm sau:**

- » Tổ chức quốc tế gặp nhiều khó khăn trong việc kết nối và đào tạo trực tiếp các bên liên quan về KCNST, trong khi đó, các đơn vị trong nước lại dễ dàng thực hiện công việc này;
- » Thông qua kinh nghiệm dày dặn của mình trên trường quốc tế, các hoạt động truyền thông, đào tạo năng lực cho các bên liên quan, kết nối mạng lưới và các chính sách ưu đãi, các tổ chức quốc tế thường được kỳ vọng cao, đặc biệt là việc kỳ vọng sẽ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam để tạo nền tảng vững chắc hơn cho các hoạt động phát triển KCNST là một áp lực không hề nhỏ.

**Hình 5: Kết quả tính điểm đối với nhóm Tổ chức Quốc tế**

TT	Bên liên quan	Xây dựng, ban hành chính sách	Thực thi chính sách	Tác động đến xây dựng chính sách	Quản lý/ giám sát	Cung cấp tài chính	Khuyến khích thúc đẩy	Xây dựng năng lực	Kết nối các bên liên quan
1.	Ngân hàng Thế giới (WB)	1	N.A	2	N.A	2	1	2	1
2.	UNIDO	1	N.A	2	N.A	2	2	2	2
3.	Cục kinh tế liên bang Thụy Sĩ (SECO)	N.A	N.A	2	N.A	2	1	2	2





### 3.2.3. Nhóm các tổ chức tài chính

Các tổ chức tài chính tham gia vào quá trình phát triển KCNST bao gồm các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, các quỹ phát triển,.. có dành ngân quỹ nhất định cho các hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng phát triển bền vững từ các nguồn khác nhau: ngân sách nhà nước, hỗ trợ ODA, tài trợ,...;

Điển hình cho nhóm các tổ chức tài chính tham gia vào phát triển KCNST thời gian qua có thể kể tới bốn tổ chức, bao gồm các ngân hàng thương mại, VEPF, NATIF (trong nước) và Quỹ IFC EE-CP (quốc tế). Các tổ chức này đã và đang cung cấp và hỗ trợ các ưu đãi tài chính phục vụ sự phát triển KCNST tại Việt Nam trong thời gian qua theo các cam kết của họ về phát triển KCNST. Nhóm này tác động đến việc xây dựng và thực hiện chính sách; việc cung cấp hỗ trợ tài chính; việc kết nối các bên và đóng góp vào việc truyền thông về KCNST.

Với sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Nhóm Ngân hàng Thế giới và kinh nghiệm thành công ở các quốc gia khác, Quỹ IFC EE-CP đã hoàn thành tốt vai trò và sứ mệnh của mình tại Việt Nam với tư cách là một bên tham gia tích cực (tất cả đạt 2 điểm). Các vai trò của họ bao gồm Ảnh hưởng/tác động chính sách, Cung cấp tài chính, Thúc đẩy, Nâng cao năng lực (bao gồm cả đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và truyền thông nâng cao nhận thức) và Kết nối các bên liên quan

Mặt khác, vai trò ủy thác của các tổ chức tài chính trong nước hạn chế hơn, chỉ có vai trò trong việc Ảnh hưởng/tác động chính sách, Cung cấp tài chính và Khuyến khích và thúc đẩy KCNST.

#### **Khoảng trống năng lực được đánh giá như sau:**

- » Mặc dù hướng dẫn về tiếp cận tài chính xanh đã được xây dựng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn tài chính để chuyển đổi doanh nghiệp và khu công nghiệp, nhưng kết quả tiếp cận vốn ưu đãi vẫn còn hạn chế do thủ tục hành chính; hạn mức cho vay và lãi suất ưu đãi không đủ hấp dẫn các nhà đầu tư;
- » Khoảng cách lớn nhất về năng lực tài trợ cho sản xuất sạch hơn hoặc sử dụng hiệu quả tài nguyên hoặc thực hiện các sáng kiến KCNST khác có liên quan đến cơ chế cho vay của các tổ chức tài chính: các doanh nghiệp vừa và nhỏ khó có khả năng tiếp cận vốn vay do yêu cầu khắt khe của các tổ chức hỗ trợ tài chính này.
- » Một số tổ chức tài chính được quy định trong Nghị định 82/2018 có chức năng hỗ trợ tài chính để thúc đẩy các doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi KCNST. Tuy nhiên, đến nay vai trò thúc đẩy này vẫn chưa được thực hiện như mong muốn;
- » Các tổ chức tài chính và quỹ đầu tư xanh khác, chẳng hạn như Quỹ EE-CP của IFC, có thể huy động các nguồn lực để tài trợ cho các KCNST. Tuy nhiên các doanh nghiệp, khu công nghiệp chưa có nhiều thông tin và tận dụng cơ hội tiếp cận các quỹ này.

#### **Để nâng cao vai trò của các tổ chức tài chính trong nước, có thể xem xét các giải pháp sau:**

- » Tăng cường các hoạt động truyền thông, hướng tới các doanh nghiệp để thông báo cho họ về các nguồn tài chính sẵn có và cung cấp các hướng dẫn về cách tiếp cận nguồn tài chính này;
- » Điều chỉnh các tiêu chí và thủ tục để các đề xuất phát triển KCNST hấp dẫn hơn đối với các quỹ đầu tư.
- » Học hỏi từ trường hợp thành công của Quỹ IFC EE-CP và tìm ra chương trình, hoạt động phù hợp nhất để thực hiện.
- » Tiếp cận tín dụng xanh theo quy định của pháp luật về BVMT đối với các doanh nghiệp trong KCNST



**Hình 6: Kết quả tính điểm đối với nhóm các tổ chức tài chính**

TT	Bên liên quan	Xây dựng, ban hành chính sách	Thực thi chính sách	Tác động đến xây dựng chính sách	Quản lý /giám sát	Cung cấp tài chính	Khuyến khích thúc đẩy	Xây dựng năng lực	Kết nối các bên liên quan
1.	Quý BVMT Việt Nam (VEPF)	N.A	N.A	1	N.A	1	N.A	N.A	N.A
2.	Các Ngân hàng Việt Nam (VDB, VIB, ACV, Techcombank)	N.A	N.A	1	N.A	1	N.A	N.A	N.A
3.	Quý đổi mới công nghệ quốc gia (NATIF)	N.A	N.A	1	N.A	1	N.A	N.A	N.A
4.	Quý EE-CP của IFC	N.A	N.A	2	N.A	2	2	2	2

### 3.2.4. Tổ chức nghiên cứu (Trường đại học, viện nghiên cứu)

Năm tổ chức nghiên cứu chính được đánh giá trong báo cáo này đã tham gia vào quá trình phát triển KCNST ở Việt Nam với các vai trò như Ảnh hưởng/tác động chính sách, Nâng cao năng lực (bao gồm cả đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và truyền thông nâng cao nhận thức) và Kết nối các bên liên quan. Với việc sớm tham gia vào giai đoạn đầu của Dự án KCNST Việt Nam, Viện Nghiên cứu và Phát triển Bền vững Vùng (IRSD) và Trường Đại học bách khoa Hà Nội đã có nhiều kết quả tích cực hơn ba cơ quan còn lại là Viện Chiến lược và Chính sách Tài nguyên và Môi trường Viện Chiến lược Phát triển - Bộ KHĐT và Học viện Khoa học Xã hội.

**Hai đơn vị dẫn đầu (đều được 2 điểm) đã thực hiện thành công các hoạt động:**

- » Tổ chức nghiên cứu đào tạo, chuyển giao tri thức, tư vấn về lý luận, chính sách, kinh nghiệm quốc tế, kỹ thuật, công nghệ,... cho phát triển KCNST;
- » Đóng góp vào việc thể chế hóa về KCNST tại Việt Nam.

Tuy nhiên, do nguồn lực hạn chế, có thể xác định được những khoảng trống nhỏ, đó là: Trong nhóm hoạt động xây dựng năng lực, hỗ trợ kỹ thuật, truyền thông, ngoại trừ Đại học BKHN, chỉ IRSD có thể hoàn thành một phần vai trò thực hiện hỗ trợ kỹ thuật, 3 tổ chức còn lại không tham gia vào lĩnh vực này. Viện Chiến lược phát triển có thể được coi là một trường hợp đặc biệt vì họ đã có nhiều kinh nghiệm về chính sách và chiến lược phát triển nhưng chưa hoặc có rất ít tham gia vào lĩnh vực KCNST do quá tải với nhiệm vụ hiện có và cũng bởi trong cơ cấu của tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Quản lý Khu kinh tế đóng vai trò chủ đạo trong KCNST.

**Để lấp đầy khoảng trống năng lực, các tổ chức nghiên cứu cần:**

- Chủ động tự đầu tư tài chính, nguồn lực hơn nữa trong các nghiên cứu về lý thuyết về KCNST và các vấn đề liên quan;
- Xây dựng năng lực, tăng cường nguồn nhân lực phù hợp về trình độ và số lượng theo yêu cầu và nhu cầu của phát triển KCNST;
- Tận dụng lợi thế và đẩy mạnh hơn các kết nối với các bên liên quan nhằm chia sẻ và phổ biến tri thức về KCNST; đóng góp nhiều hơn vào việc nâng cao nhận thức của các bên liên quan.



**Hình 7: Kết quả tính điểm đối với nhóm Tổ chức Nghiên cứu, đào tạo**

TT	Bên liên quan	Xây dựng, ban hành chính sách	Thực thi chính sách	Tác động đến xây dựng chính sách	Quản lý /giám sát	Cung cấp tài chính	Khuyến khích thúc đẩy	Xây dựng năng lực	Kết nối các bên liên quan
1.	Viện NC PTBV Vùng (IRSD)	N.A	N.A	2	N.A	N.A	N.A	2	1
2.	Viện chiến lược chính sách về tài nguyên và Môi trường (ISPONRE)	N.A	N.A	2	N.A	N.A	N.A	1	1
3.	Viện Chiến lược phát triển (DSI)-Bộ KHĐT	N.A	N.A	2	N.A	N.A	N.A	1	1
4.	Học viện KHXH	N.A	N.A	1	N.A	N.A	N.A	1	1
5.	ĐH Bách Khoa Hà Nội	N.A	N.A	2	N.A	N.A	N.A	2	1

### 3.2.5. Các tổ chức tư vấn

Các tổ chức tư vấn đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động sau:

- » Tư vấn, cung cấp kiến thức, thông tin, kinh nghiệm phục vụ quá trình xây dựng và thực thi chính sách, chiến lược; đầu tư giải pháp kỹ thuật, công nghệ
- » Xây dựng năng lực thông qua đào tạo chuyển giao tri thức, tư vấn chuyển giao công nghệ, truyền thông nâng cao nhận thức.

Trong số các tổ chức được đánh giá, Sofies là Đơn vị Tư vấn Quốc tế duy nhất và với bản chất của một tổ chức khách, nó có giới hạn trong việc thực hiện ảnh hưởng / tác động chính sách, truyền thông và kết nối các bên liên quan (trong nước). Về trong nước, VNCPC là tổ chức tư vấn hàng đầu tại Việt Nam với hơn 20 năm hoạt động trong lĩnh vực Sản xuất sạch hơn và đã tận dụng lợi thế đã hoàn thiện để tham gia vào lĩnh vực KCNST. Là các tổ chức tư vấn vì lợi ích trong nước, tổ chức này vẫn đóng vai trò vừa phải trong việc ảnh hưởng/ tác động đến chính sách và kết nối các bên liên quan. CECod là đơn vị theo dõi cuối cùng, họ hầu như không cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật/tham mưu/tư vấn về KCNST cho các bên liên quan khác.

**Hình 8: Kết quả tính điểm đối với nhóm Tổ chức tư vấn**

TT	Bên liên quan	Xây dựng, ban hành chính sách	Thực thi chính sách	Tác động đến xây dựng chính sách	Quản lý /giám sát	Cung cấp tài chính	Khuyến khích thúc đẩy	Xây dựng năng lực	Kết nối các bên liên quan
1.	Trung tâm phát triển bền vững đô thị (CENSUD)	N.A	N.A	1	N.A	N.A	N.A	1	1
2.	Sofies (Thụy Sĩ)	N.A	N.A	1	N.A	N.A	N.A	1	1
3.	Trung tâm sản xuất sạch Việt Nam	N.A	N.A	1	N.A	N.A	N.A	2	1
4.	Trung tâm môi trường và phát triển cộng đồng	N.A	N.A	1	N.A	N.A	N.A	1	1



#### **Để hoàn thiện những khoảng trống về năng lực:**

- » Mặc dù đã có những đóng góp quan trọng trong việc tư vấn xây dựng chính sách nhưng vẫn cần tiếp tục nghiên cứu, tư vấn và đóng góp hơn nữa để hoàn thiện hệ thống chính sách về phát triển KCNST.
- » Kết nối các bên liên quan thông qua việc chia sẻ các kiến thức, kinh nghiệm cũng cần được đẩy mạnh, nhằm tạo ra các kết nối có lợi như để chia sẻ thông tin, hạ tầng, xây dựng cộng sinh giữa các doanh nghiệp,...
- » Đẩy mạnh hơn các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức không chỉ trong các nhóm liên quan trực tiếp mà cho cả cộng đồng; từng bước giúp điều chỉnh nhận thức và hành vi của các bên.

#### **3.2.6. Tổ chức doanh nghiệp**

##### **Công ty phát triển hạ tầng và các doanh nghiệp thứ cấp là hai bên liên quan quan trọng và chịu tác động trực tiếp của chính sách phát triển KCNST. Vai trò tích cực của các DN thể hiện trong thời gian qua như sau:**

- » Nhóm tích cực hơn cả là các doanh nghiệp xây dựng hạ tầng KCN với việc dẫn tham gia các hoạt động (đạt 1 điểm) liên quan đến Thực thi chính sách, Quản lý/Giám sát, Phản biện chính sách, Cung cấp tài chính, Kết nối các bên liên quan, Xây dựng năng lực (ở khía cạnh Truyền thông nâng cao nhận thức). Hiện tại, công ty phát triển hạ tầng KCN chỉ đóng vai trò hướng dẫn, kết nối hỗ trợ các doanh nghiệp thứ cấp thực hiện các sáng kiến KCNST. Tuy nhiên, trong tương lai, khi KCNST được phát triển rộng rãi, việc nâng cao năng lực và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật nên là vai trò chính của các nhà công ty phát triển hạ tầng KCNST.

Các doanh nghiệp thứ cấp đang hoạt động hàng ngày trong KCNST có các vai trò cực kỳ quan trọng là Thực thi chính sách, Thúc đẩy KCNST trong khu, phản biện chính sách với tư cách là chủ thể chịu tác động chính của các chính sách KCNST và 1 phần trong việc truyền thông, phổ biến nhằm xây dựng và nâng cao năng lực cho người lao động. Tuy vậy, do mới tham gia các sáng kiến KCNST ở giai đoạn đầu và thiếu nguồn vốn tài chính sẵn có, hiện tại, doanh nghiệp thứ cấp vẫn tham gia vào quá trình phát triển KCNST ở mức độ vừa phải. Dự kiến, theo thời gian, với sự phát triển của KCNST, nhóm này sẽ đóng vai trò điều phối cũng như đảm nhận các vai trò bổ sung như Quản lý/Giám sát và Truyền thông/phổ biến, hoặc thậm chí ở mức độ cao hơn, doanh nghiệp thứ cấp có thể tham gia sâu vào các hoạt động ảnh hưởng/tác động của Chính sách / tác động và Quy trình xây dựng và ban hành chính sách.

Cũng cần phải kể đến vai trò của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Trong số tất cả các chức năng và nhiệm vụ của VCCI, các chức năng nhiệm vụ được lựa chọn và liệt kê sau đây của VCCI có thể có tác động tích cực đến sự phát triển của các KCNST ở Việt Nam, đó là: i) Thu thập ý kiến của các doanh nghiệp để phản ánh, kiến nghị và tư vấn cho Chính phủ về các chủ đề liên quan; ii) Tham gia xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; iii) Tổ chức các diễn đàn, tọa đàm giữa doanh nghiệp với cơ quan nhà nước, đại diện người lao động về các chủ đề liên quan; Tuyên truyền, vận động doanh nghiệp chấp hành nghiêm pháp luật, nâng cao trách nhiệm xã hội, văn hóa đạo đức kinh doanh và bảo vệ môi trường; iv) Xây dựng, quảng bá và nâng cao uy tín của doanh nghiệp, doanh nhân, hàng hóa, dịch vụ của Việt Nam; v) Tổ chức đào tạo với các hình thức phù hợp nhằm phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp, giúp doanh nhân nâng cao kiến thức, năng lực quản lý và kinh doanh. Hiện nay, VCCI là một trong những tổ chức hàng đầu trong lĩnh vực Kinh tế Tuần hoàn.

Khoảng trống năng lực của nhóm này có thể được dễ dàng lấp đầy bởi KCNST là một cách tiếp cận mới và cần thêm thời gian để quảng bá rộng rãi trong cộng đồng doanh nghiệp. Tin rằng nhóm các bên liên quan này sẽ là người hoàn thiện khoảng trống nhanh nhất với động lực riêng của mình.



**Hình 9: Kết quả tính điểm đối với nhóm Doanh nghiệp**

TT	Bên liên quan	Xây dựng, ban hành chính sách	Thực thi chính sách	Tác động đến xây dựng chính sách	Quản lý /giám sát	Cung cấp tài chính	Khuyến khích thúc đẩy	Xây dựng năng lực	Kết nối các bên liên quan
1.	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)	N.A	N.A	2	N.A	N.A	N.A	1	1
2.	Công ty đầu tư và phát triển hạ tầng KCN	N.A	1	N.A	1	1	1	1	1
3.	Doanh nghiệp	N.A	1	N.A	N.A	N.A	1	1	N.A

### 3.2.7. Tổ chức xã hội

Các Cơ quan Báo chí, Cộng đồng địa phương và Đại diện của Người lao động có thể được coi là những đối tượng có ảnh hưởng nhất trong quá trình phát triển KCNST ở Việt Nam.

Cộng đồng địa phương và người lao động trong các doanh nghiệp là những người đầu tiên ở cấp cơ sở thể hiện quan điểm của họ và đóng góp vào quá trình hoạch định chính sách, giám sát việc thực hiện và quá trình phát triển KCNST. Tuy nhiên, do KCNST là một khái niệm mới và chưa trở thành mối quan tâm hàng ngày của các nhóm này, nên hiện tại, họ tham gia rất hạn chế vào việc phát triển các KCNST (0 điểm). Điều này cần được cải thiện trong thời gian tới. Mặt khác, thông qua Công đoàn, vai trò của người lao động và nhu cầu của cộng đồng được xem xét nhiều hơn. Vai trò giám sát của cộng đồng và người lao động hiện còn mang tính hình thức, không có những ràng buộc mạnh mẽ nhằm góp phần tốt hơn vào quá trình giám sát tình hình thực hiện của các khu công nghiệp và doanh nghiệp. Rõ ràng, vẫn còn nhiều dư địa để cộng đồng và đại diện người lao động cải thiện vai trò của họ trong Quản lý/Giám sát phát triển KCNST.

**Để lấp đầy khoảng trống năng lực của các tổ chức xã hội, cần phải:**

- » Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động truyền thông, tăng cường năng lực cho cộng đồng và người lao động
- » Xây dựng và trao quyền giám sát cụ thể cho xã hội dân sự để nâng cao trách nhiệm của các bên liên quan (Đường dây nóng, Hộp thư góp ý...)
- » Huy động tốt nguồn lực của các cơ quan báo chí phục vụ cho quá trình quảng bá kiến thức, lợi ích của các KCNST, huy động và tìm kiếm các nhà tài trợ, nhà đầu tư tiềm năng,...Nâng cao vai trò của các tổ chức xã hội trong việc tác động đến việc xây dựng các chính sách.

**Hình 10: Kết quả tính điểm đối với nhóm Tổ chức xã hội**

TT	Bên liên quan	Xây dựng, ban hành chính sách	Thực thi chính sách	Tác động đến xây dựng chính sách	Quản lý /giám sát	Cung cấp tài chính	Khuyến khích thúc đẩy	Xây dựng năng lực	Kết nối các bên liên quan
1.	Cơ quan báo chí	N.A	N.A	N.A	N.A	N.A	N.A	1	N.A
2.	Cộng đồng địa phương	N.A	N.A	0	1	N.A	N.A	N.A	N.A
3.	Đại diện người lao động	N.A	N.A	0	1	N.A	N.A	N.A	N.A

The image features a light blue background with several overlapping, curved, lime-green shapes that create a sense of depth and movement. A large, white, sans-serif number '4.' is positioned in the upper right quadrant of the composition.

4.



# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỀ KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN

## 4.1. ĐÀO TẠO CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN VỀ KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

Việc giảng dạy các môn học liên quan KCNST đã được đưa vào chương trình đào tạo của nhiều viện nghiên cứu/trường đại học trên thế giới. Các chương trình học loại này chủ yếu được tìm thấy ở những quốc gia phát triển như Bắc Mỹ, châu Âu, hay Nhật Bản. Các quốc gia luôn dành sự quan tâm lớn cho bộ môn khoa học môi trường và các vấn đề phát triển bền vững, và ở một số nơi cả đối với KCNST.

Nội dung liên quan đến KCNST thường được tích hợp như một thành phần của sinh thái công nghiệp (IE), hoặc một chuyên ngành về phát triển bền vững hoặc công nghệ xanh, thay vì được cấu trúc như một chủ thể độc lập. Điều này có thể hiểu được vì KCNST chỉ là một thành phần của hệ sinh thái công nghiệp. Nó thường được đề cập đến như một cách tiếp cận 'xanh' trong việc xây dựng và phát triển hạ tầng công nghiệp.

Ngoài ra, các KCNST cũng được coi là điển hình tốt để thúc đẩy năng lượng tái tạo và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường. Do đó, trong các chương trình đào tạo về hệ sinh thái công nghiệp của nhiều trường đại học, môn học KCNST không được giảng dạy trực tiếp mà chỉ được đề cập gián tiếp thông qua các môn học như phân tích dòng chảy vật chất và năng lượng, giảm thiểu biến đổi khí hậu, đánh giá vòng đời hoặc hệ thống năng lượng bền vững.

Khác với đào tạo chuyên sâu tại các trường đại học, viện nghiên cứu, chương trình đào tạo cho các bên liên quan về KCNST phải đảm bảo các yêu cầu sau: (i) phù hợp với mục đích của các bên liên quan. Mỗi bên liên quan trong phát triển KCNST đều có những mục đích khác nhau. Chính vì vậy, chương trình đào tạo về KCNST phải được thiết kế có tính đến đặc điểm và mục đích của từng bên liên quan; (ii) dựa vào, có vai trò hỗ trợ thực tiễn áp dụng kiến thức về KCNST và phù hợp với vai trò của các bên liên quan.

## 4.2. CÁC MÔ-ĐUN ĐÀO TẠO VỀ KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

Trên cơ sở kinh nghiệm đã xây dựng nội dung đào tạo về KCNST và nghiên cứu các khóa đào tạo có sẵn ở các nước khác của nhóm tác giả, một khóa đào tạo về KCNST cho Việt Nam có thể được tổ chức như sau:

### Mô-đun 1: Lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế về KCNST

- » Khái niệm về kinh tế tuần hoàn, KCNST
- » Đặc điểm và cấu trúc cơ bản của KCNST
- » Tiêu chuẩn của một KCNST
- » Lợi ích chung của KCNST
- » Một số điển hình KCNST trên thế giới
- » Các xu hướng phát triển KCNST trong tương lai (Không phát thải/carbon thấp, các mô hình trung tính carbon, KCN 4.0, v.v.)



#### **Mô-đun 2: Kinh tế tuần hoàn và KCNST**

- » Sinh thái học công nghiệp;
- » Cộng sinh công nghiệp;
- » Phân tích vòng đời sản phẩm;
- » Sử dụng tài nguyên hiệu quả (nguyên vật liệu, nước, năng lượng);
- » Nguyên tắc sản xuất sạch và các nghiên cứu điển hình cho việc áp dụng sản xuất sạch.

#### **Mô-đun 3: Thể chế hóa các KCNST và Thúc đẩy phát triển KCNST**

- » Các quy định pháp lý về môi trường liên quan đến KCNST
- » Các điều kiện chứng nhận KCNST và các mức chứng nhận
- » Tài chính cho phát triển KCNST
- » Vấn đề xã hội trong phát triển KCNST

#### **Mô-đun 4: Chuyển đổi từ KCN sang KCNST ở Việt Nam**

- » Thực trạng phát triển KCN ở Việt Nam và yêu cầu đặt ra
- » Thiết kế tiêu chuẩn của một KCNST
- » Các yêu cầu về cơ sở hạ tầng khi chuyển đổi sang KCNST
- » Các yêu cầu về công nghệ, hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn khi chuyển đổi sang KCNST
- » Các yêu cầu về xã hội trong và ngoài hàng rào KCN khi chuyển đổi sang KCNST
- » Các yêu cầu về liên kết cộng sinh khi chuyển đổi sang KCNST

### **4.3. ĐỀ XUẤT CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỀ KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI**

#### **4.3.1. Đào tạo cho Cơ quan quản lý nhà nước**

Các bên liên quan trong nhóm khu vực công cần hiểu rõ cơ sở lý thuyết cũng như kinh nghiệm của các quốc gia khác về phát triển KCNST. Nhóm cũng cần nhận thức được các quy định và chính sách cho phép phát triển KCNST ở Việt Nam.

Những mô-đun đào tạo dành cho nhóm bên liên quan này tương tự Mô-đun 1 đề mục 4.2 (phía trên).

#### **4.3.2. Đào tạo cho Tổ chức tài chính**

Ngay từ đầu, các tổ chức tài chính đã có cam kết chắc chắn về việc hỗ trợ các dự án trong khuôn khổ dự án sáng kiến KCNST. Tuy nhiên, kết quả thực hiện vẫn chưa được như mong đợi do sự hiểu biết còn hạn chế về các nội dung và thực tiễn áp dụng của KCNST. Nhóm đối tượng này cần hiểu khái niệm về các sáng kiến KCNST và lợi ích của nó để xây dựng và vận hành các cơ chế tài trợ hiệu quả, khi đó sẽ có thể giảm thiểu chi phí giao dịch và công tác chuẩn bị các đề xuất đầu tư cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong việc tiếp cận nguồn tài chính để thực hiện các can thiệp KCNST. Các mô-đun đào tạo cho nhóm các bên liên quan này sẽ bao gồm:

##### **Lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế về KCNST**

- » Xem Mô-đun 1 đề mục 4.2 phía trên.

##### **Chuyển đổi từ KCN sang KCNST ở Việt Nam**

- » Xem Mô-đun 4 đề mục 4.2 phía trên.





#### 4.3.3. Đào tạo cho Tổ chức Nghiên cứu, đào tạo

Các tổ chức tư vấn (Tổ chức Nghiên cứu, đào tạo) cần hiểu biết toàn diện và chuyên sâu về KCNST cũng như các xu hướng chuyển đổi và phát triển ở Việt Nam và nước ngoài. Các tổ chức này cần trang bị cho nguồn nhân lực của mình những kiến thức chuyên sâu và cần thiết để thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của KCNST tại Việt Nam. Các mô-đun đào tạo cho nhóm các bên liên quan này bao gồm:

##### Lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế về KCNST

» Xem Mô-đun 1 đề mục 4.2 phía trên.

##### Kinh tế tuần hoàn và KCNST

» Xem Mô-đun 2 đề mục 4.2 phía trên.

##### Thể chế hóa các KCNST và Thúc đẩy phát triển KCNST

» Xem Mô-đun 3 đề mục 4.2 phía trên.

##### Chuyển đổi từ KCN sang KCNST ở Việt Nam

» Xem Mô-đun 4 đề mục 4.2 phía trên.

#### 4.3.4. Đào tạo cho doanh nghiệp

Các mô-đun đào tạo cho nhóm các bên liên quan này bao gồm:

##### Lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế về KCNST

» Xem Mô-đun 1 đề mục 4.2 phía trên.

##### Kinh tế tuần hoàn và KCNST

» Xem Mô-đun 2 đề mục 4.2 phía trên.

##### Chuyển đổi từ KCN sang KCNST ở Việt Nam

» Xem Mô-đun 4 đề mục 4.2 phía trên.

#### 4.3.5. Đào tạo cho các tổ chức xã hội

Các tổ chức xã hội (CSO) chưa tham gia sâu vào việc phát triển các KCNST. Sự hiểu biết của nhóm các bên liên quan này về KCNST cần được nâng cao ở cả khía cạnh thực tế và chính sách để đảm bảo có sự hỗ trợ và đóng góp cho các khía cạnh của KCNST. Các mô-đun đào tạo cho nhóm các bên liên quan này bao gồm:

##### Lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế về KCNST

» Xem Mô-đun 1 đề mục 4.2 phía trên.

### 4.4. CÁC KHÓA ĐÀO TẠO QUỐC TẾ VỀ KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

Việc giảng dạy KCNST đã được đưa vào chương trình giảng dạy của nhiều viện nghiên cứu/trường đại học trên thế giới, đặc biệt là các trường đại học có hoạt động đào tạo và nghiên cứu chuyên ngành về phát triển bền vững và khoa học môi trường. Các chương trình giảng dạy này chủ yếu được học ở các nước phát triển ở Bắc Mỹ, Châu Âu hoặc Nhật Bản, những nơi mà khoa học môi trường và phát triển bền vững rất được chú trọng. Ngoài ra, KCNST đã tồn tại ở các quốc gia này từ khá lâu, vì vậy việc tìm kiếm nội dung đào tạo về các chủ đề KCNST không quá khó.

Bảng dưới đây cung cấp thông tin tổng quan về các khóa học liên quan đến KCNST trên thế giới:



**Bảng 4:** Tổng quan về các khóa học liên quan đến KCNST hiện có ở các quốc gia khác

Đại học/Trường	Môn học	Nội dung về KCNST
<b>Bắc Mỹ</b>		
Đại học Mount Royal, Canada	Khoa học môi trường	1-2 giờ
Trường Thayer Technical, Đại học Dartmouth, USA	Sinh thái công nghiệp (ENGS 171)	1-2 giờ
Đại học South California, USA	Hệ sinh thái công nghiệp: Tương tác giữa công nghệ và môi trường (ISE 576)	2 giờ
Đại học Havard, USA	Sinh thái công nghiệp (ENVR-158)	Không có nội dung chuyên biệt
Đại học Cornell, USA	Sinh thái công nghiệp và công nghệ bền vững	Nội dung chính, không có thông tin về giờ đào tạo
<b>Châu Âu</b>		
Đại học Findhorn, Scotland, UK	Thiết kế cộng đồng bền vững	1-2 giờ
Đại học Novi Sad và Đại học Nis, Serbia	Quản lý nguyên vật liệu và năng lượng	Không có nội dung chuyên biệt
<b>Châu á Thái Bình Dương</b>		
Đại học Bond, Australia	Sinh thái công nghiệp	1-2 giờ
Đại học Curtin, Australia	Các Nguyên tắc và Ứng dụng Kỹ thuật Xanh	Nội dung chính, không có thông tin về giờ đào tạo



Các học viên cũng có thể tự tìm hiểu thêm về KCNST qua một số tài liệu sau:

**1. Lectures on EIP. Thayer Technology School, Dartmouth College.**

<https://cushman.host.dartmouth.edu/courses/engs171.html>

**2. Program on Industrial Ecology, including EIP content. Cornell University.**

<https://ecommons.cornell.edu/handle/1813/36307>

**3. Program on Industrial Ecology, including EIP content. University of Southern California.**

<http://web-app.usc.edu/soc/syllabus/20141/31776.pdf>

**4. Program on Industrial Ecology. Harvard University.**

<https://canvas.harvard.edu/courses/8261/assignments/syllabus>

**5. Program on Industrial Ecology. Michigan University.**

<https://www.linkedin.com/school/university-of-michigan/>

